BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 1000 /QĐ-MĐC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc khen thưởng sinh viên khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai học kỳ II, năm học 2019 - 2020

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật giáo dục Đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi bổ sung, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 2007/QĐ-MĐC ngày 31/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy chế quản lý sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất";

Căn cứ Quyết định số 1522/QĐ-MĐC ngày 01/11/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy định Quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ";

Căn cứ Quyết định số 703/QĐ-MĐC ngày 31/5/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy định xét khen thưởng và cấp giấy khen cho sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất";

Căn cứ danh sách đề nghị khen thưởng tập thể, cá nhân sinh viên trong học kỳ II, năm học 2019 - 2020 của khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Công tác Chính trị - Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh hiệu "Lớp tiên tiến" cho 02 lớp, "Sinh viên Xuất sắc" cho 05 sinh viên và "Sinh viên Giỏi" cho 39 sinh viên trong học kỳ II, năm học 2019 - 2020 của khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Chi số tiền **5.500.000** đồng *(Năm triệu năm trăm nghìn đồng)* để thưởng cho các tập thể và cá nhân sinh viên đạt danh hiệu thi đua, mức thưởng như sau:

- Danh hiệu "Lớp tiên tiến": 300.000 đồng/lớp;
- Danh hiệu "Sinh viên Xuất sắc": 200.000 đồng/sinh viên;
- Danh hiệu "Sinh viên Giỏi": 100.000 đồng/sinh viên.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Công tác Chính trị - Sinh viên, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Trưởng khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai, Trưởng các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Các PHT (để p/h chỉ đạo);
- Như điều 3 (để t/hiện);
- Lưu HCTH, CTSV(02).

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

GS.TS Trần Thanh Hải

DANH SÁCH TẬP THỂ, CÁ NHÂN SINH VIÊN KHOA TRẮC ĐỊA - BẢN ĐỒ VÀ QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI
ĐƯỢC CÔNG NHẬN DANH HIỆU THI ĐUA HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2019-2020
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1000 /QĐ-MĐC ngày 15 tháng 10 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất)

A. Lớp sinh viên Tiên tiến

STT	Lớp	Danh hiệu	Tiền thưởng (ĐVT: Đồng)	Ký nhận
1	Trắc địa K63	Lớp sinh viên tiên tiến	300.000	
2	Trắc địa - Bản đồ K63	Lớp sinh viên tiên tiến	300.000	
Cộng tiền thưởng cho Lớp sinh viên tiên tiến			**600.000**	

B. Danh hiệu sinh viên xuất sắc:

STT	MSV	Họ và tên sinh viên		Lớp	Điểm học tập, rèn luyện				Tiền thưởng (ĐVT: Đồng)	Số tài khoản	Ngân hàng	Chi nhánh ngân hàng	Ghi chú
					TBHT	Thưởng	TBMR	ĐRL					
1	1721030042	Phùng Xuân	Kỷ	Trắc địa K62	3.75	0.1	3.85	96	200.000	21510002179530	BIDV	Cầu Giấy	
2	1721030123	Nguyễn Thị	Hà	QL đất đai K62	3.67	0.1	3.77	96	200.000	21510002189812	BIDV	Cầu Giấy	
3	1721030138	Đặng Việt	Hà	QL đất đai K62	3.83		3.83	94	200.000	21510002188563	BIDV	Cầu Giấy	
4	1821030099	Tống Mai	Linh	QL đất đai K63	3.78		3.78	94	200.000	21510002477076	BIDV	Cầu Giấy	
5	1821030231	Nguyễn Thị	Ngân	QL đất đai K63	3.66		3.66	91	200.000	21510002463358	BIDV	Cầu Giấy	
Cộng tiền thưởng cho sinh viên xuất sắc									**1.000.000**				

C. Danh hiệu sinh viên giỏi:

STT	MSV	Họ và tên sinh viên		Lớp	Điểm học tập, rèn luyện				Tiền thưởng (ĐVT: Đồng)	Số tài khoản	Ngân hàng	Chi nhánh ngân hàng	Ghi chú
					TBHT	Thưởng	TBMR	ĐRL					
1	1921030149	Nguyễn Thế	Long	Trắc địa K64	3.45	0.1	3.55	88	100.000	3212205248954	Agribank	Hồng Quang	
2	1921030500	Nguyễn Duy	Toàn	Trắc địa K64	3.54		3.54	81	100.000	21510002932627	BIDV	Cầu Giấy	
3	1921030058	Hoàng Đạt	Tiến	Trắc địa K64	3.15	0.05	3.2	86	100.000	50510000362356	BIDV	Thành nhà Hồ	
4	1821030218	Vũ Viết	Thành	Trắc địa K63	3.27		3.27	81	100.000	22010004469864	BIDV	Cầu Giấy	
5	1821030156	Ngô Đức	Huy	Trắc địa K63	3.23		3.23	81	100.000	42710000746702	BIDV	Quang Minh	
6	1821030206	Nguyễn Đình	Sơn	Trắc địa K63	3.22		3.22	81	100.000	45510000798771	BIDV	Hòa Bình	
7	1721030069	Phạm Quốc	Huy	Trắc địa K62	3.39		3.39	83	100.000	21510002182343	BIDV	Cầu Giấy	
8	1621030059	Đào Minh	Hiếu	Trắc địa A K61	3.92		3.92	86	100.000	21510001922704	BIDV	Cầu Giấy	
9	1621030050	Nguyễn Minh	Hiếu	Trắc địa A K61	4		4	80	100.000	21510001922652	BIDV	Cầu Giấy	
10	1621030047	Lê Khắc	Tư	Trắc địa A K61	3.93		3.93	80	100.000	21510001922643	BIDV	Cầu Giấy	
11	1621030108	Nguyễn Khánh	Linh	Trắc địa A K61	3.85		3.85	80	100.000	21510001917117	BIDV	Cầu Giấy	
12	1621030029	Nguyễn Văn	Dương	Trắc địa A K61	3.8		3.8	80	100.000	21510001922537	BIDV	Cầu Giấy	
13	1621030053	Nguyễn Văn	Tới	Trắc địa A K61	3.8		3.8	80	100.000	21510001970794	BIDV	Cầu Giấy	
14	1621030046	Nguyễn Gia	Phúc	Trắc địa A K61	3.79		3.79	88	100.000	21110000919325	BIDV	Cầu Giấy	
15	1621030021	Trần Viết	Hùng	Trắc địa A K61	3.71		3.71	80	100.000	21510001971229	BIDV	Cầu Giấy	

STT	MSV	Họ và tên sinh viên		Lớp	Điểm học tập, rèn luyện				Tiền thưởng (ĐVT: Đồng)	Số tài khoản	Ngân hàng	Chi nhánh ngân hàng	Ghi chú
					TBHT	Thưởng	TBMR	ĐRL					
16	1621030100	Đặng Văn	Hiếu	Trắc địa A K61	3.7		3.7	80	100.000	21510001923734	BIDV	Cầu Giấy	
17	1621030008	Trần Quý	Thọ	Trắc địa A K61	3.77		3.77	82	100.000	21510001920258	BIDV	Cầu Giấy	
18	1621030038	Phạm Công Lê	Vũ	Trắc địa A K61	3.85		3.85	80	100.000	21510001922582	BIDV	Cầu Giấy	
19	1621030007	Ngụy Thị Quỳnh	Anh	Trắc địa B K61	3.27		3.27	81	100.000	21510001920805	BIDV	Cầu Giấy	
20	1621030093	Cấn Thị Phương	Thảo	Trắc địa B K61	3.54		3.54	85	100.000	21510001970891	BIDV	Cầu Giấy	
21	1821030155	Nguyễn Ngọc	Sơn	QL đất đai K63	3.72		3.72	83	100.000	21510002463808	BIDV	Cầu Giấy	
22	1821030022	Hà Khánh	Linh	QL đất đai K63	3.61		3.61	83	100.000	21510002478875	BIDV	Cầu Giấy	
23	1821030199	Nguyễn Thị	Huệ	QL đất đai K63	3.58		3.58	81	100.000	21510002463464	BIDV	Cầu Giấy	
24	1821030084	Nguyễn Văn	Dương	QL đất đai K63	3.56		3.56	84	100.000	21510002477599	BIDV	Cầu Giấy	
25	1821030159	Tạ Minh	Đức	QL đất đai K63	3.54		3.54	91	100.000	0420185868888	MB-Bank	Cầu Giấy	
26	1821030203	Nguyễn Ngọc	Ly	QL đất đai K63	3.51		3.51	81	100.000	21510002463835	BIDV	Cầu Giấy	
27	1821030116	Vũ Thị Thu	Hiệp	QL đất đai K63	3.48		3.48	81	100.000	21510002476602	BIDV	Cầu Giấy	
28	1821030201	Đào Thị Mỹ	Linh	QL đất đai K63	3.33		3.33	81	100.000	21510002465178	BIDV	Cầu Giấy	
29	1721030139	Đàm Quang	Doanh	QL đất đai K62	4		4	86	100.000	21510002186983	BIDV	Cầu Giấy	
30	1721030186	Vũ Minh	Anh	QL đất đai K62	3.83		3.83	83	100.000	21510002241156	BIDV	Cầu Giấy	
31	1721030505	Nguyễn Văn	Duy	QL đất đai K62	3.67		3.67	83	100.000	21510002209428	BIDV	Cầu Giấy	
32	1721030192	Nguyễn Tuyết	Mai	QL đất đai K62	3.71	0.05	3.76	80	100.000	21510002189539	BIDV	Cầu Giấy	
33	1721030094	Ngô Kim	Hương	QL đất đai K62	3.7		3.7	80	100.000	21510002188101	BIDV	Cầu Giấy	
34	1821030264	Nguyễn Thiên	Văn	TD-BD K63	3.43		3.43	86	100.000	21510002817034	BIDV	Cầu Giấy	
35	1821030202	Đào Quang	Đông	TD-BD K63	3.36	0.05	3.41	92	100.000	21510002465187	BIDV	Cầu Giấy	
36	1821030265	Nguyễn Tiến	Duy	TD-BD K63	3.31		3.31	89	100.000	26010001169176	BIDV	Mỹ Đình	
37	1821030025	Hoàng Long	Nhật	TD-BD K63	3.3		3.3	81	100.000	21510002478857	BIDV	Cầu Giấy	
38	1821030079	Nguyễn Thị Vân	Anh	TD-BD K63	3.13	0.1	3.23	94	100.000	21510002477784	BIDV	Cầu Giấy	
39	1821030054	Nguyễn Đức	Chung	TD-BD K63	3.21		3.21	81	100.000	21510002464111	BIDV	Cầu Giấy	
Cộng tiền thưởng cho sinh viên giỏi									**3.900.000**				

Tổng cộng: A + B + C = 5.500.000

(Bằng chữ: Năm triệu năm trăm nghìn đồng chẵn)

Ban Giám hiệu	Phòng Kế hoạch-Tài chính	Phòng CT Chính trị - SV	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ	Người lập biểu
HIỆU TRƯỞNG	Phạm T. P. Chi	Lê Xuân Thanh	PGS.TS Bùi Ngọc Quý	Tạ Thị Thu Hường
GS.TS Trần Thanh Hải				

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1097 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 02 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc khen thưởng sinh viên cơ sở đào tạo Vũng Tàu học kỳ II, năm học 2019 - 2020

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật giáo dục Đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi bổ sung, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số diều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 2007/QĐ-MĐC ngày 31/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy chế quản lý sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất"

Căn cứ Quyết định số 1522/QĐ-MĐC ngày 01/11/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy định Quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ";

Căn cứ Quyết định số 703/QĐ-MĐC ngày 31/5/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy định xét khen thưởng và cấp giấy khen cho sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất";

Căn cứ danh sách đề nghị khen thưởng tập thể, cá nhân sinh viên trong học kỳ II, năm học 2019 - 2020 của khoa cơ sở đào tạo Vũng Tàu;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Công tác Chính trị - Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh hiệu "Sinh viên Xuất sắc" cho 2 sinh viên và "Sinh viên Giỏi" cho 12 sinh viên trong học kỳ II, năm học 2019 - 2020 của cơ sở đào tạo Vũng Tàu (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Chi số tiền **1.600.000** đồng *(Một triệu sáu trăm nghìn đồng)* để thưởng cho các cá nhân sinh viên đạt danh hiệu thi đua, mức thưởng như sau:

- Danh hiệu "Sinh viên Xuất sắc": 200.000 đồng/sinh viên;
- Danh hiệu "Sinh viên Giỏi": 100.000 đồng/sinh viên.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Công tác Chính trị - Sinh viên, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Văn phòng đại diện, Trưởng các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Các PHT(để p/h chỉ đạo);
- Như điều 3 (để t/hiện);
- Lưu HCTH, CTSV(10).

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

GS.TS Trần Thanh Hải

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN DANH HIỆU THI ĐUA TẠI CƠ SỞ ĐÀO TẠO VŨNG TÀU
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2019 - 2020
(Kèm theo Quyết định số: .1097..... /QĐ-MĐC ngày 02 tháng 11 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất)

A. Danh hiệu sinh viên xuất sắc

STT	MaSV	HoLotSV	TenSV	NgaySinh	MaLop	Điểm TB HT	Điểm cộng	Điểm TB MR	Điểm rèn luyện	Số tiền khen thưởng	Số tài khoản	Ngân hàng	Chi nhánh	Ghi chú
1	1521011085	Phạm Sơn	Hà	20/08/1997	DCDKKK60_1_VT	3.89	0.05	3.94	95	200.000	3403205100393	Agribank	Kiến Xương - Thái Bình	
2	1721011016	Vũ Văn	Tùng	22/02/1999	DCCDTD62VT	3.72	0.05	3.77	92	200.000	5615205019819	Agribank	Tân Thành - Bình Phước	
Cộng										**400.000**				

B. Danh hiệu sinh viên giỏi

STT	MaSV	HoLotSV	TenSV	NgaySinhC	MaLop	Điểm TB HT	Điểm cộng	Điểm TB MR	Điểm rèn luyện	Số tiền khen thưởng	Số tài khoản	Ngân hàng	Chi nhánh	Ghi chú
1	1521011265	Lê Thị Khánh	Linh	13/07/1997	DCMOKT60_1VT	4.00	0.05	4.05	88	100.000	206049689	ACB	Vũng Tàu	
2	1521011126	Phạm Hồng	Đức	02/09/1997	DCDKKK60_1_VT	4.00		4.00	83	100.000	6090205578312	Agribank	Vũng Tàu	
3	1521011131	Hồ Hữu Hoàng	Duy	26/06/1997	DCDKLD60_2_VT	4.00	0.05	4.05	83	100.000	76010000643779	BIDV	BR-VT	
4	1521011001	Lê Trung Tuấn	Anh	19/05/1997	DCDKLD60_2_VT	3.50	0.1	3.60	83	100.000	0081001240473	vietcombank	Vũng Tàu	
5	1521011112	Lê Minh	Chiến	15/09/1996	DCDKKK60_1_VT	3.70		3.70	82	100.000	050055394633	Sacombank	Vũng Tàu	
6	1521011056	Trần Thị	Xuân	07/04/1997	DCDKLD60_2_VT	4.00	0.05	4.05	82	100.000	76010000652915	BIDV	Vũng Tàu	
7	1521011016	Võ Thị Thanh	Thảo	02/07/1997	DCDKLD60_2_VT	4.00	0.05	4.05	80	100.000	0761002354947	vietcombank	Kon Tum	
8	1621011071	Nguyễn Anh	Quân	28/06/1998	DCCDTD61VT	3.50	0.1	3.60	83	100.000	050067240283	Sacombank	BR-VT	
9	1821010191	Dương Xuân	Hùng	11/01/2000	DCDKDK63VT	3.47		3.47	90	100.000	6090205823346	Agribank	Vũng Tàu	

STT	MaSV	HoLotSV	TenSV	NgaySinh	MaLop	Điểm TB HT	Điểm cộng	Điểm TB MR	Điểm rèn luyện	Số tiền khen thưởng	Số tài khoản	Ngân hàng	Chi nhánh	Ghi chú
10	1721011053	Nguyễn Đức	Dũng	10/09/1999	DCDKKK62VT	3.25	0.1	3.35	80	100.000	6090205792807	Agribank	Vũng Tàu	
11	1621010212	Lê Văn	Long	10/02/1998	DCDKTB61VT	3.81			87	100.000	0081001319542	vietcombank	Vũng Tàu	
12	1621011044	Phạm Gia	Bảo	10/03/1998	DCDKTB61VT	3.75	0.05	3.80	87	100.000	180314849166106	Eximbank	Vũng Tàu	
Cộng										**1.200.000**				

Tổng tiền (bằng số) (A) + (B): **1.600.000 đ**

Tổng tiền (bằng bằng chữ): **Một triệu sáu trăm nghìn đồng./.**

Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2020

Ban Giám hiệu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Trần Thanh Hải

Phòng Kế hoạch Tài chính

P. T. P. Chi

Phòng Công tác CT - SV

Lê Xuân Thanh

Người lập biểu

Chu Thị Thúy Nga

PTH, D QĐ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1129 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 04 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc khen thưởng sinh viên học kỳ II, năm học 2019 - 2020

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật giáo dục Đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi bổ sung, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 2007/QĐ-MĐC ngày 31/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy chế quản lý sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất";

Căn cứ Quyết định số 1522/QĐ-MĐC ngày 01/11/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy định Quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ";

Căn cứ Quyết định số 703/QĐ-MĐC ngày 31/5/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy định xét khen thưởng và cấp giấy khen cho sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất";

Căn cứ danh sách đề nghị khen thưởng tập thể, cá nhân sinh viên trong học kỳ II, năm học 2019 - 2020 của khoa Công nghệ thông tin, Cơ điện, Khoa học và Kỹ thuật địa chất;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Công tác Chính trị - Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh hiệu "Sinh viên Xuất sắc" cho 10 sinh viên và "Sinh viên Giỏi" cho 138 sinh viên trong học kỳ II, năm học 2019 - 2020 của khoa Công nghệ thông tin, Cơ điện, Khoa học và Kỹ thuật địa chất (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Chi số tiền **15.800.000** đồng *(Mười lăm triệu tám trăm nghìn đồng)* để thưởng cho các cá nhân sinh viên đạt danh hiệu thi đua, mức thưởng như sau:

- Danh hiệu "Sinh viên Xuất sắc": 200.000 đồng/sinh viên;
- Danh hiệu "Sinh viên Giỏi": 100.000 đồng/sinh viên.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Công tác Chính trị - Sinh viên, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Trưởng khoa Công nghệ thông tin, Cơ điện, Khoa học và Kỹ thuật địa chất, Trưởng các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Các Phó hiệu trưởng (để p/h chỉ đạo);
- Như điều 3 (để t/hiện);
- Lưu HCTH, CTSV, KHTC(11).

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

GS.TS Trần Thanh Hải

DANH SÁCH TẬP THỂ, CÁ NHÂN SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN DANH HIỆU THI ĐUA
KHOA KH&KT ĐỊA CHẤT HỌC KỲ II NĂM HỌC 2019-2020
(Kèm theo quyết định số 1128 /QĐ-MĐC, ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất)

I. Danh hiệu sinh viên Xuất sắc

TT	MSSV	Họ và tên		Lớp	TB học tập	Điểm RL	Tiền thưởng (đ)	Số tài khoản	Tên ngân hàng	Ký nhận
1	1621020022	Võ Tú	Quyên	DCDCCT_61	3,60	91	200.000	21510001920586	BIDV	
Cộng tiền thưởng cho sinh viên đạt danh hiệu Sinh viên Xuất sắc							**200.000**			

II. Danh hiệu sinh viên Giỏi

TT	MSSV	Họ và tên		Lớp	TB học tập	Điểm RL	Tiền thưởng (đ)	Số tài khoản	Tên ngân hàng	Ký nhận
1	1621020002	Đặng Hương	Giang	DCDCDC_61	4,00	82	100.000	21510001919201	BIDV	
2	1621020025	Hoàng Quang	Trung	DCDCDC_61	3,75	82	100.000	21510001920601	BIDV	
3	1621020011	Phạm Văn	Hải	DCDCCT_61	3,73	88	100.000	21510001919256	BIDV	
4	1621020010	Đào Mạnh	Hiệp	DCDCCT_61	3,42	82	100.000	21510002703443	BIDV	
5	1621020032	Trần Thái	Bảo	DCDCCT_61	3.38	84	100.000	21510001971645	BIDV	
6	1721020011	Phạm Văn	Quang	DCDCCT62	3,50	84	100.000	21510002179619	BIDV	
7	1721040105	Thepphakone	SAVATH	DCDCDC62	3,38	81	100.000	22010000888078	BIDV	
8	1721020503	Vương Văn	Quý	DCDCCT62	3,36	81	100.000	21510002330160	BIDV	
9	1721020058	Hoàng Tuấn	Hải	DCDCCT62	3,24	81	100.000	3525205153068	Agribank - Thiệu Hóa -	
10	1721040110	Jong	XAYANG	DCDCDC62	3,20	81	100.000	2201000088139	BIDV	
11	1821020017	Chu Văn	Nghĩa	DCDCDC_63	3,24	86	100.000	46510000373135	BIDV	
12	1821020015	Vũ Đình	Tuấn	DCDCDC_63	3,61	86	100.000	21510002181818	BIDV	

TT	MSSV	Họ và tên		Lớp	TB học tập	Điểm RL	Tiền thưởng (đ)	Số tài khoản	Tên ngân hàng	Ký nhận
13	1821020023	Lê Thảo	Uyên	DCDCDC_63	3,47	80	100.000	21510002467457	BIDV	
Cộng tiền thưởng cho sinh viên đạt danh hiệu Sinh viên Giỏi							**1.300.000**			

Tổng cộng: **1.500.000**

Số tiền bằng chữ: **Một triệu năm trăm ngàn đồng**

Ngày tháng năm 2020

Duyệt Ban Giám hiệu	**Phòng Kế hoạch Tài chính**	**Phòng CTCT_SV**	**Khoa KH&KT Địa chất**	**Người lập biểu**
HIỆU TRƯỞNG PGS.TS Trần Khánh Hải			**TS Nguyễn Tiến Dũng**	**Phan T Thùy Dương**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1126 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 04 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc khen thưởng sinh viên khoa Cơ - Điện học kỳ II, năm học 2019 - 2020

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật giáo dục Đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi bổ sung, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số diều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 2007/QĐ-MĐC ngày 31/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy chế quản lý sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất";

Căn cứ Quyết định số 1522/QĐ-MĐC ngày 01/11/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy định Quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ";

Căn cứ Quyết định số 703/QĐ-MĐC ngày 31/5/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy định xét khen thưởng và cấp giấy khen cho sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất";

Căn cứ danh sách đề nghị khen thưởng cá nhân sinh viên trong học kỳ II, năm học 2019 - 2020 của khoa Cơ - Điện;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Công tác Chính trị - Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh hiệu "Sinh viên Xuất sắc" cho 03 sinh viên và "Sinh viên Giỏi" cho 26 sinh viên trong học kỳ II, năm học 2019 - 2020 của khoa Cơ - Điện (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Chi số tiền **3.200.000** đồng *(Ba triệu hai trăm ngàn đồng)* để thưởng cho các cá nhân sinh viên đạt danh hiệu thi đua, mức thưởng như sau:

- Danh hiệu "Sinh viên Xuất sắc": 200.000 đồng/sinh viên;
- Danh hiệu "Sinh viên Giỏi": 100.000 đồng/sinh viên.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Công tác Chính trị - Sinh viên, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Trưởng khoa Cơ - Điện, Trưởng các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Hiệu trưởng (để báo cáo);
- Như điều 3 (để t/hiện);
- Lưu HCTH, CTSV(01).

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

GS.TS Trần Thanh Hải

DANH SÁCH TẬP THỂ, CÁ NHÂN SINH VIÊN KHOA CƠ - ĐIỆN ĐƯỢC CÔNG NHẬN
DANH HIỆU THI ĐUA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2019 - 2020

Kèm theo Quyết định số 1126 /QĐ-MĐC ngày 04. tháng .11.. năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất

A. Danh hiệu sinh viên Xuất sắc

TT	Họ đệm	Tên	MSSV	Lớp	Điểm TBC học tập	Điểm thưởng	Điểm TBT mở rộng	Điểm rèn luyện	Thành tiền (đồng)	Số tài khoản	Tên ngân hàng	Ký nhận
1	Ngô Thị Hoàng	Anh	1621060026	DCCDTD61D	3,79	0,1	3,89	91	200.000	21510001920975	BIDV	
2	Nguyễn Thành	Luân	1621060096	DCCDDK61	3,95	0,1	4,05	90	200.000	21510001922971	BIDV	
3	Trần Quốc	Hòa	1721060077	DCCDTD62B	3,62	0,1	3,72	96	200.000	21510002179336	BIDV	
				A=					600.000			

B. Danh hiệu sinh viên Giỏi

TT	Họ đệm	Tên	MSSV	Lớp	Điểm TBC học tập	Điểm thưởng	Điểm TBT mở rộng	Điểm rèn luyện	Thành tiền (đồng)	Số tài khoản	Tên ngân hàng	Ký nhận
1	Vũ Quang	Chiến	1621060645	DCCDTM61A	3,62		3,62	87	100.000	21510001947442	BIDV	
2	Nguyễn Thọ	Đạt	1621060897	DCCDTM61A	3,62		3,62	80	100.000	21510001951744	BIDV	
3	Nguyễn Văn	Long	1621061092	DCCDTM61A	3,53		3,53	81	100.000	21510001949484	BIDV	
4	Đặng Quốc	Hùng	1621060700	DCCDTM61A	3,47		3,47	81	100.000	21510001935687	BIDV	
5	Hoàng Văn	Nguyên	1621060692	DCCDTM61A	3,38		3,38	81	100.000	21510001935632	BIDV	
6	Trương Văn	Tuấn	1621060638	DCCDTM61A	3,62		3,62	81	100.000	21510001932536	BIDV	
7	Đào Đình	Võ	1621060589	DCCDTM61B	3,53		3,53	81	100.000	21510001930460	BIDV	
8	Trương Tấn	Giôn	1621060256	DCCDDT61A	3,67		3,67	83	100.000	21510001927222	BIDV	
9	Nguyễn Thị Hải	Linh	1621060288	DCCDDT61B	3,65		3,65	83	100.000	21510001947822	BIDV	
10	Hà Thị Linh	Tâm	1621060410	DCCDDT61B	3,3		3,3	81	100.000	21510001935234	BIDV	
11	Nguyễn Phú	Giang	1621060035	DCCDDT61C	3,31	0,1	3,41	86	100.000	21510001953698	BIDV	
12	Phạm Đình	Doanh	1621060942	DCCDTD61C	4,0		4,0	81	100.000	21510001950954	BIDV	
13	Nguyễn Văn	Đạt	1621060192	DCCDTD61C	3,92		3,92	81	100.000	21510001925192	BIDV	
14	Hồ Diên	Kế	1621060107	DCCDTD61C	3,63		3,63	85	100.000	21510001923929	BIDV	
15	Lê Đức	Hậu	1621060001	DCCDTD61D	3,73		3,73	86	100.000	21510001919539	BIDV	
16	Nguyễn Ngọc	Quảng	1621060208	DCCDTD61D	3,43		3,43	89	100.000	21510001926104	BIDV	
17	Bì Quốc	Vương	1621060024	DCCDTD61D	3,79		3,79	89	100.000	21510001947071	BIDV	

18	Nguyễn Ánh	Tuyết	1721060309	DCCDDT62A	3.45		3.45	83	100.000	21510002186071	BIDV	
19	Ngô Trinh	Ngọc	1721060846	DCCDDK62	3.23	0.1	3.33	80	100.000	21510002209738	BIDV	
20	Nguyễn Huy	Phi	1721060170	DCCDDK62	3.3		3.3	81	100.000	21510002190063	BIDV	
21	Nguyễn Văn	Ninh	1721060289	DCCDTD62B	3.5		3.5	86	100.000	21510002182590	BIDV	
22	Lê Sỹ	Tài	1821060283	DCCDDT63	3.38		3.38	80	100.000	21510002467475	BIDV	
23	Lưu Đức	Phong	1821060297	DCCDHT63	3.28	0.1	3.38	83	100.000	21510002467253	BIDV	
24	Ngô Trung	Hiếu	1821060135	DCCDTD63B	3.37	0.1	3.47	80	100.000	21510002467101	BIDV	
25	Lục Thị Hoa	Sim	1821060102	DCCDTD63B	3.24	0.1	3.34	80	100.000	21510002479160	BIDV	
26	Dương Đức Tuấn	Anh	1921060517	DCCDTD64A	3.73		3.73	80	100.000	21510002935617	BIDV	

B= **2.600.000**

Tổng = A + B= **3.200.000**

Bằng Chữ: Ba triệu hai trăm nghìn đồng

Hà Nội, ngày 19 tháng 10 năm 2020

Duyệt của BGH

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Trần Thanh Hải

P. Kế hoạch Tài chính

P. T. P. Chi

P.CTCT - SV

Bùi Mạnh Tùng

BCN Khoa Cơ - Điện

PHÓ TRƯỞNG KHOA

TS. Trần Đức Huân

Người lập biểu

Đào Thị Thu

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 990 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 13 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc khen thưởng sinh viên khoa Dầu khí học kỳ II, năm học 2019 - 2020

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật giáo dục Đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi bổ sung, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số diều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 2007/QĐ-MĐC ngày 31/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy chế quản lý sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất"

Căn cứ Quyết định số 1522/QĐ-MĐC ngày 01/11/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy định Quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ";

Căn cứ Quyết định số 703/QĐ-MĐC ngày 31/5/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy định xét khen thưởng và cấp giấy khen cho sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất";

Căn cứ danh sách đề nghị khen thưởng tập thể, cá nhân sinh viên trong học kỳ II, năm học 2019 - 2020 của khoa Dầu khí;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Công tác Chính trị - Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh hiệu "Sinh viên Xuất sắc" cho 3 sinh viên và "Sinh viên Giỏi" cho 33 sinh viên trong học kỳ II, năm học 2019 - 2020 của khoa Dầu khí (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Chi số tiền **3.900.000** đồng *(Ba triệu chín trăm nghìn đồng)* để thưởng cho các cá nhân sinh viên đạt danh hiệu thi đua, mức thưởng như sau:

- Danh hiệu "Sinh viên Xuất sắc": 200.000 đồng/sinh viên;
- Danh hiệu "Sinh viên Giỏi": 100.000 đồng/sinh viên.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Công tác Chính trị - Sinh viên, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Trưởng khoa Dầu khí, Trưởng các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Các PHT(để p/h chỉ đạo);
- Như điều 3 (để t/hiện);
- Lưu HCTH, CTSV(10).

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

GS.TS Trần Thanh Hải

DANH SÁCH SINH VIÊN KHOA DẦU KHÍ

ĐƯỢC CÔNG NHẬN DANH HIỆU THI ĐUA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2019 - 2020

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-MĐC, ngày tháng năm 2020)

A. Danh hiệu sinh viên Xuất sắc:

STT	Mã số SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Điểm HT	Điểm thưởng	TBCM R	Điểm RL	Tiền thưởng (đồng)	Số tài khoản	Tên ngân hàng	Chi nhánh
1	1621010005	Nguyễn Tiến	Đạt	DCDKKK61_1	15	4.00	0.1	4.1	93	200.000	21510001970934	BIDV	
2	1621010101	Hoàng Văn	Thăng	DCDKKK61_2	17	3.88		3.88	98	200.000	21510001917515	BIDV	
3	1721010131	Dương Thị Thùy	Trang	DCDKLD62	19	3.74	0.1	3.84	90	200.000	21510002190762	BIDV	
Cộng										**600.000**			

B. Danh hiệu sinh viên Giỏi:

STT	Mã số SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Điểm HT	Điểm thưởng	TBCM R	Điểm RL	Tiền thưởng (đồng)	Số tài khoản	Tên ngân hàng	Chi nhánh
1	1621010001	Đặng Văn	Hợi	DCDKDC61	20	3.93		3.93	83	100.000	21510001915713	BIDV	
2	1621010010	Vũ Ngọc	Anh	DCDKDC61	14	3.82	0.05	3.87	83	100.000	21510001915740	BIDV	
3	1621010225	Cao Hữu	Phước	DCDKDC61	14	3.32	0.1	3.42	89	100.000	21510001930017	BIDV	
4	1621010029	Nguyễn Trung	Thuận	DCDKKK61_1	19	3.79		3.79	83	100.000	21510001952598	BIDV	
5	1621010044	Nguyễn Văn	Vương	DCDKKK61_1	15	3.67		3.67	81	100.000	21510001915917	BIDV	
6	1621010063	Lê Văn	Tùng	DCDKKK61_1	16	3.66		3.66	83	100.000	21510001917357	BIDV	
7	1621010902	Mey	Kadun	DCDKKK61_1	17	3.97		3.97	83	100.000	42710000312389	BIDV	
8	1621010077	Đinh Văn	Thiện	DCDKKK61_1	17	3.59		3.59	83	100.000	21510001917393	BIDV	
9	1421040010	Vũ Công Việt	Anh	DCDKKK61_1	16	3.56		3.56	81	100.000	21110001048727	BIDV	
10	1621010017	Ngô Hoàng	Tùng	DCDKKK61_2	17	3.56		3.56	88	100.000	21510001915777	BIDV	
11	1621010118	Nguyễn Văn	Lưu	DCDKKK61_1	15	3.53		3.53	81	100.000	21510001956730	BIDV	
12	1621010081	ứng Mạnh	Tú	DCDKKK61_1	15	3.53		3.53	80	100.000	21510001917427	BIDV	
13	1621010065	Khương Văn	Tuấn	DCDKKK61_1	18	3.53		3.53	81	100.000	21510001970174	BIDV	
14	1621011064	Vũ Thành	Đạt	DCDKKK61_2	22	3.48		3.48	81	100.000	21510001956660	BIDV	
15	1621010071	Lê Tiến	Dũng	DCDKKK61_1	15	3.47		3.47	81	100.000	107869350976	Viettinbank	Thụy Khuê
16	1621010150	Lê Công	Hùng	DCDKKK61_1	15	3.47		3.47	81	100.000	21510001919104	BIDV	
17	1621010215	Nguyễn Thị	Thu	DCDKKK61_2	19	3.45		3.45	81	100.000	21510001929963	BIDV	
18	1621010110	Thái Phi	Nhật	DCDKKK61_1	18	3.39		3.39	86	100.000	21510002941775	BIDV	
19	1621010066	Bùi Đăng	Đại	DCDKKK61_2	17	3.32		3.32	81	100.000	21510001970183	BIDV	
20	1621010703	Nguyễn Văn	Tùng	DCDKKK61_1	25	3.58		3.58	83	100.000	21510001949651	BIDV	
21	1621010250	Nguyễn Thị	Giang	DCDKLD61A	20	3.55		3.55	81	100.000	21510001931755	BIDV	
22	1621030900	Đào Minh	Giang	DCDKLD61A	15	3.27		3.27	74	100.000	12910000234338	BIDV	

DANH SÁCH SINH VIÊN KHOA DẦU KHÍ
ĐƯỢC CÔNG NHẬN DANH HIỆU THI ĐUA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2019 - 2020
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-MĐC, ngày tháng năm 2020)

A. Danh hiệu sinh viên Xuất sắc:

STT	Mã số SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Điểm HT	Điểm thưởng	TBCM R	Điểm RL	Tiền thưởng (đồng)	Số tài khoản	Tên ngân hàng	Chi nhánh
1	1621010005	Nguyễn Tiến	Đạt	DCDKKK61_1	15	4.00	0.1	4.1	93	200.000	21510001970934	BIDV	
2	1621010101	Hoàng Văn	Thăng	DCDKKK61_2	17	3.88		3.88	98	200.000	21510001917515	BIDV	
3	1721010131	Dương Thị Thùy	Trang	DCDKLD62	19	3.74	0.1	3.84	90	200.000	21510002190762	BIDV	
Cộng										**600.000**			

B. Danh hiệu sinh viên Giỏi:

STT	Mã số SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Điểm HT	Điểm thưởng	TBCM R	Điểm RL	Tiền thưởng (đồng)	Số tài khoản	Tên ngân hàng	Chi nhánh
1	1621010001	Đặng Văn	Hợi	DCDKDC61	20	3.93		3.93	83	100.000	21510001915713	BIDV	
2	1621010010	Vũ Ngọc	Anh	DCDKDC61	14	3.82	0.05	3.87	83	100.000	21510001915740	BIDV	
3	1621010225	Cao Hữu	Phước	DCDKDC61	14	3.32	0.1	3.42	89	100.000	21510001930017	BIDV	
4	1621010029	Nguyễn Trung	Thuận	DCDKKK61_1	19	3.79		3.79	83	100.000	21510001952598	BIDV	
5	1621010044	Nguyễn Văn	Vương	DCDKKK61_1	15	3.67		3.67	81	100.000	21510001915917	BIDV	
6	1621010063	Lê Văn	Tùng	DCDKKK61_1	16	3.66		3.66	83	100.000	21510001917357	BIDV	
7	1621010902	Mey	Kadun	DCDKKK61_1	17	3.97		3.97	83	100.000	42710000312389	BIDV	
8	1621010077	Đinh Văn	Thiện	DCDKKK61_1	17	3.59		3.59	83	100.000	21510001917393	BIDV	
9	1421040010	Vũ Công Việt	Anh	DCDKKK61_1	16	3.56		3.56	81	100.000	21110001048727	BIDV	
10	1621010017	Ngô Hoàng	Tùng	DCDKKK61_2	17	3.56		3.56	88	100.000	21510001915777	BIDV	
11	1621010118	Nguyễn Văn	Lưu	DCDKKK61_1	15	3.53		3.53	81	100.000	21510001956730	BIDV	
12	1621010081	ứng Mạnh	Tú	DCDKKK61_1	15	3.53		3.53	80	100.000	21510001917427	BIDV	
13	1621010065	Khương Văn	Tuấn	DCDKKK61_1	18	3.53		3.53	81	100.000	21510001970174	BIDV	
14	1621011064	Vũ Thành	Đạt	DCDKKK61_2	22	3.48		3.48	81	100.000	21510001956660	BIDV	
15	1621010071	Lê Tiến	Dũng	DCDKKK61_1	15	3.47		3.47	81	100.000	107869350976	Viettinbank	Thụy Khuê
16	1621010150	Lê Công	Hùng	DCDKKK61_1	15	3.47		3.47	81	100.000	21510001919104	BIDV	
17	1621010215	Nguyễn Thị	Thu	DCDKKK61_2	19	3.45		3.45	81	100.000	21510001929963	BIDV	
18	1621010110	Thái Phi	Nhật	DCDKKK61_1	18	3.39		3.39	86	100.000	21510002941775	BIDV	
19	1621010066	Bùi Đăng	Đại	DCDKKK61_2	17	3.32		3.32	81	100.000	21510001970183	BIDV	
20	1621010703	Nguyễn Văn	Tùng	DCDKKK61_1	25	3.58		3.58	83	100.000	21510001949651	BIDV	
21	1621010250	Nguyễn Thị	Giang	DCDKLD61A	20	3.55		3.55	81	100.000	21510001931755	BIDV	
22	1621030900	Đào Minh	Giang	DCDKLD61A	15	3.27		3.27	74	100.000	12910000234338	BIDV	

STT	Mã số SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Điểm HT	Điểm thưởng	TBCM R	Điểm RL	Tiền thưởng (đồng)	Số tài khoản	Tên ngân hàng	Chi nhánh
23	1721010101	Nguyễn Thị	Thảo	DCDKTB62	16	3.78		3.78	85	100.000	21510002196469	BIDV	
24	1721010054	Nguyễn Thị	Thu	DCDKTB62	16	3.75		3.75	85	100.000	21510002180170	BIDV	
25	1721010005	Đoàn Phương	Anh	DCDKTB62	18	3.61	0.05	3.66	85	100.000	21510002188411	BIDV	
26	1721010038	Trịnh Thị	Thanh	DCDKTB62	14	3.57		3.57	73	100.000	21510002330221	BIDV	
27	1721010141	Nguyễn Thị Hà	Trang	DCDKTB62	20	3.48		3.48	78	100.000	21510002187782	BIDV	
28	1721010080	Nguyễn Cảnh	Thịnh	DCDKTB62	18	3.11	0.1	3.21	84	100.000	21510002186053	BIDV	
29	1821010170	Phạm Tiến	Lộc	DCDKDC63	20	3.25		3.25	83	100.000	47110001218030	BIDV	
30	1821010153	Vũ Đình	Khiêm	DCDKLD63	19	3.64		3.64	83	100.000	21510002462896	BIDV	
31	1921010065	Võ Hoàng Thúy	Vy	DCDKDV64	14	3.43		3.43	83	100000	050110252452	Sacombank	CN Hai Bà Trưng, Đà Lạt
32	1921010059	Lâm Đỗ	Hùng	DCDKDK64	19	3.31		3.31	83	100.000	21510002152647	BIDV	
33	1921010123	Phạm Thị	Thanh	DCDKLD64	17	3.31	0.1	3.41	87	100.000	21510002939813	BIDV	
Cộng										**3.300.000**			

Tổng cộng tiền thưởng: 600.000 + 3.300.000 = 3.900.000đ

(Số tiền viết bằng chữ: Ba triệu chín trăm nghìn đồng chẵn)

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

Ban Giám hiệu	Phòng Kế hoạch Tài chính	Phòng Công tác CT - SV	Khoa Dầu khí	Người lập biểu
HIỆU TRƯỞNG	Phạm T. P. Chi	Lê Xuân Thanh	PGS.TS Tống Thị Thanh Hương	Ng. T. Thúy
GS.TS Trần Thanh Hải				

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1127 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 04 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc khen thưởng sinh viên khoa Công nghệ Thông tin học kỳ II, năm học 2019 - 2020

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật giáo dục Đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi bổ sung, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 2007/QĐ-MĐC ngày 31/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy chế quản lý sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất"

Căn cứ Quyết định số 1522/QĐ-MĐC ngày 01/11/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy định Quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ";

Căn cứ Quyết định số 703/QĐ-MĐC ngày 31/5/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy định xét khen thưởng và cấp giấy khen cho sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất";

Căn cứ danh sách đề nghị khen thưởng tập thể, cá nhân sinh viên trong học kỳ II, năm học 2019 - 2020 của khoa Công nghệ Thông tin;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Công tác Chính trị - Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh hiệu "Sinh viên Xuất sắc" cho 06 sinh viên và "Sinh viên Giỏi" cho 99 sinh viên trong học kỳ II, năm học 2019 - 2020 của khoa Công nghệ Thông tin (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Chi số tiền **11.100.000** đồng *(Mười một triệu một trăm ngàn đồng)* để thưởng cho các tập thể và cá nhân sinh viên đạt danh hiệu thi đua, mức thưởng như sau:

- Danh hiệu "Sinh viên Xuất sắc": 200.000 đồng/sinh viên;
- Danh hiệu "Sinh viên Giỏi": 100.000 đồng/sinh viên.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Công tác Chính trị - Sinh viên, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Trưởng khoa Công nghệ Thông tin, Trưởng các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Các PHT (để p/h chỉ đạo);
- Như điều 3 (để t/hiện);
- Lưu HCTH, CTSV(8).

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

GS.TS Trần Thanh Hải

DANH SÁCH CÁ NHÂN SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN DANH HIỆU THI ĐUA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2019 - 2020

KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

(Kèm theo Quyết định số .1127./QĐ-MĐC ngày .4..... tháng .11..... năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất)

A. Danh hiệu sinh viên xuất sắc

TT	MSSV	Họ đệm	Tên	Lớp	Điểm TBC học tập	Điểm thưởng	Điểm TBC MR	ĐiểmRL	Thành tiền (đ)	Tài khoản	Tên ngân hàng	Chi Nhánh
1	1821051115	Nguyễn Thị	Hậu	DCCTDH63B	3.54	0.1	3.64	90	200.000	21510002591222	BIDV	
2	1821051010	Nguyễn Thị Hoàng	Yến	DCCTPM63A	3.75		3.75	94	200.000	21510002473454	BIDV	
3	1821050505	Trần Thị	Mai	DCCTKT63A	3.59	0.05	3.64	93	200.000	21510002478565	BIDV	
4	1621050066	Phùng Thị Thanh	Huyền	DCCTMM61_2	4.00	0.05	4.00	100	200.000	21510001921419	BIDV	
5	1521050016	Nguyễn Thị Thu	Trang	DCCTPM60_1	4.00		4.00	91	200.000	19034361280019	Techcombank	Hoàng Quốc Việt
6	1521050540	Ngô Quang	Minh	DCCTMM60_1	4.00	0.1	4.10	90	200.000	21110000920813	BIDV	
Tổng cộng:									**1.200.000**			

B. Danh hiệu sinh viên Giỏi

TT	MSSV	Họ đệm	Tên	Lớp	TB học tập	Điểm thưởng	Điểm TBC MR	Điểm rèn luyện	Thành tiền (đ)	Tài khoản	Tên ngân hàng	Chi Nhánh
1	1921050555	Đào Thị	Thắm	DCCTCT64D	3.58	0.1	3.68	83	100.000	21510002936364	BIDV	
2	1921050673	Ngô Thị Ánh	Tuyết	DCCTCT64C	3.39		3.39	83	100.000	21510002933392	BIDV	
3	1821051040	Đỗ Thị	Thúy	DCCTHT63A	3.52		3.52	81	100.000	21510002476310	BIDV	
4	1821051046	Nguyễn Huyền	Trang	DCCTHT63B	3.41		3.41	81	100.000	45010004688860	BIDV	Hà Tây
5	1821051049	Trần Văn	Huy	DCCTHT63B	3.36		3.36	81	100.000	11610000347995	BIDV	Hoài Đức

TT	MSSV	Họ đệm	Tên	Lớp	TB học tập	Điểm thưởng	Điểm TBC MR	Điểm rèn luyện	Thành tiền (đ)	Tài khoản	Tên ngân hàng	Chi Nhánh
6	1821050795	Đào Văn	Tùng	DCCTDH63A	3.69		3.69	80	100.000	21510002476374	BIDV	
7	1821050467	Lê Tiến	Đạt	DCCTDH63A	3.59		3.59	83	100.000	21510002474226	BIDV	
8	1821050480	Nguyễn Thị	Hoa	DCCTDH63B	3.25		3.25	83	100.000	21510002475593	BIDV	
9	1821051126	Nguyễn Văn	Vỹ	DCCTDH63B	3.23		3.23	83	100.000	831000062024	Vietcombank	Hải Hậu
10	1821050295	Đỗ Thị	Huyền	DCCTPM63A	3.68		3.68	81	100.000	21510002474679	BIDV	
11	1821050354	Đỗ Thị	Hồng	DCCTPM63B	3.51		3.51	80	100.000	21510002689950	BIDV	
12	1821050212	Phạm Xuân	Huy	DCCTPM63A	3.50		3.50	80	100.000	21710000457809	BIDV	
13	1821050608	Trần Minh	Hiếu	DCCTPM63A	3.45		3.45	81	100.000	21510002478316	BIDV	
14	1821050455	Đỗ Minh	Hiếu	DCCTPM63A	3.33		3.33	80	100.000	42710000555148	BIDV	Minh Quang
15	1821051089	Lê Thị	Thanh	DCCTPM63A	3.30		3.30	80	100.000	42710000579467	BIDV	
16	1821050425	Trần Ngọc	Anh	DCCTPM63B	3.23		3.23	80	100.000	21510002472734	BIDV	
17	1821050668	Nguyễn Thị	Hương	DCCTKT63A	3.24		3.24	87	100.000	21510002473445	BIDV	
18	1821050302	Tạ Tương	Thiện	DCCTKH63A	3.41		3.41	80	100.000	11610000275971	BIDV	
19	1821050963	Hồ Bá	Tiến	DCCTKH63B	3.35		3.35	81	100.000	21510002474475	BIDV	
20	1821050781	Trần Đình	Tài	DCCTKH63C	3.23	0.1	3.33	80	100.000	21510002469198	BIDV	
21	1821051024	Phạm Thị	Trang	DCCTKH63C	3.31	0.05	3.36	81	100.000	21510002472947	BIDV	
22	1821051121	Phạm Trung	Kiên	DCCTKH63B	3.28		3.28	80	100.000	21510002590919	BIDV	
23	1821050631	Phạm Mai	Lan	DCCTKH63A	3.15	0.1	3.25	88	100.000	21510002469569	BIDV	

TT	MSSV	Họ đệm	Tên	Lớp	TB học tập	Điểm thưởng	Điểm TBC MR	Điểm rèn luyện	Thành tiền (đ)	Tài khoản	Tên ngân hàng	Chi Nhánh
24	1821050254	Vũ Viết	Quyền	DCCTKH63B	3.22		3.22	80	100.000	21710000632767	BIDV	
25	1821050214	Lê Thị	Khánh	DCCTKH63A	3.20		3.20	80	100.000	03005036401	tpbank	Mỹ đình
26	1721050707	Nguyễn Thị	Lý	DCCTPM62B	3.65		3.65	85	100.000	21510002210341	BIDV	
27	1721050379	Bùi Quang	Anh	DCCTPM62A	3.58		3.58	85	100.000	21510002197170	BIDV	
28	1721050183	Phạm Duy	Tùng	DCCTPM62B	3.31		3.31	81	100.000	21510002182404	BIDV	
29	1721050724	Nguyễn Thị	Hậu	DCCTPM62C	3.28		3.28	83	100.000	21510002209598	BIDV	
30	1721050125	Phạm Tiến	Mạnh	DCCTPM62D	3.28		3.28	81	100.000	21510002187551	BIDV	
31	1721050681	Nguyễn Khả	Hợp	DCCTPM62C	3.30		3.30	81	100.000	21410001018651	BIDV	
32	1721050490	Trần Thị	Khánh	DCCTMM62B	3.65		3.65	80	100.000	21510002188961	BIDV	
33	1721050289	Dương Trung	Kiên	DCCTMM62A	3.56		3.56	87	100.000	109868850804	Viettinbank	Đống Đa
34	1721050415	Đào Thị	Gấm	DCCTMM62B	3.54		3.54	83	100.000	21510002186895	BIDV	
35	1721050351	Nguyễn Thái	Hà	DCCTMM62B	3.50		3.50	81	100.000	44210000249266	BIDV	Mạo khê đông triều quảng ninh
36	1721050866	Đỗ Thị Ngọc	Mai	DCCTMM62B	3.50		3.50	83	100.000	21510002210165	BIDV	
37	1721050547	Hồ Văn	Nam	DCCTMM62B	3.50		3.50	81	100.000	21510002186558	BIDV	
38	1721050311	Hoàng Hải	Hà	DCCTMM62A	3.48		3.48	83	100.000	21510002190708	BIDV	
39	1721050004	Vũ Thanh	Hải	DCCTMM62B	3.48		3.48	83	100.000	21510002179080	BIDV	
40	1721050186	Hà Quang	Linh	DCCTMM62C	3.44		3.44	83	100.000	21510002186576	BIDV	
41	1721050341	Trần Văn	Tiến	DCCTMM62B	3.36		3.36	81	100.000	551000294809	Vietcombank	móng cái

TT	MSSV	Họ đệm	Tên	Lớp	TB học tập	Điểm thưởng	Điểm TBC MR	Điểm rèn luyện	Thành tiền (đ)	Tài khoản	Tên ngân hàng	Chi Nhánh
42	1721050116	Lý Chính	Đạt	DCCTMM62C	3.33		3.33	82	100.000	21510002180888	BIDV	
43	1721050347	Nguyễn Ngọc	Đức	DCCTMM62B	3.32		3.32	81	100.000	21510002185722	BIDV	
44	1721050489	Bùi Thị	Hà	DCCTMM62B	3.27		3.27	83	100.000	21510002191145	BIDV	
45	1721050323	Nguyễn Ngọc	Hưng	DCCTMM62B	3.25		3.25	81	100.000	21510002189982	BIDV	
46	1721050271	Nguyễn Thị	Huệ	DCCTMM62B	3.22		3.22	83	100.000	21510002187764	BIDV	
47	1721050475	Hoàng Thị Thu	Huyền	DCCTMM62B	3.22		3.22	87	100.000	21510002571783	BIDV	
48	1721050016	Nguyễn Xuân	Hiếu	DCCTMM62B	3.19	0.05	3.24	88	100.000	21510002182501	BIDV	
49	1721050194	Nguyễn Tiến	Dũng	DCCTMM62C	3.20	0.1	3.30	89	100.000	21510002189593	BIDV	
50	1721050372	Phạm Thị Trà	My	DCCTKT62	3.43	0.1	3.53	81	100.000	21510002189256	BIDV	
51	1721050033	Trần Thị Như	Quỳnh	DCCTKH62B	3.42	0.1	3.52	86	100.000	21510002454042	BIDV	
52	1721030063	Trần Thị	My	DCCTKH62A	3.27	0.1	3.37	83	100.000	21510002184695	BIDV	
53	1721050239	Ngô Thị	Hằng	DCCTKH62A	3.23		3.23	80	100.000	21510002186178	BIDV	
54	1621050245	Lưu Thị	Hạnh	DCCTPM61_1	3.30	0.1	3.40	88	100.000	21510001916026	BIDV	
55	1621050048	Phan Thị Phương	Thảo	DCCTPM61_1	3.75		3.75	80	100.000	21510002309948	BIDV	
56	1621050197	Nguyễn Trung	Nam	DCCTPM61_1	3.29		3.29	83	100.000	21510001934204	BIDV	
57	1621050819	Hoàng Văn	Thùy	DCCTPM61_1	3.24		3.24	81	100.000	21510001950495	BIDV	
58	1621050736	Hoàng Thanh	Tùng	DCCTPM61_1	3.21		3.21	83	100.000	21510001950149	BIDV	
59	1621050457	Hoàng Anh	Tuấn	DCCTMM61_2	4.00		4.00	81	100.000	21510001933788	BIDV	

TT	MSSV	Họ đệm	Tên	Lớp	TB học tập	Điểm thưởng	Điểm TBC MR	Điểm rèn luyện	Thành tiền (đ)	Tài khoản	Tên ngân hàng	Chi Nhánh
60	1621050886	Nguyễn Công	Chính	DCCTKT61_1	3.73		3.73	83	100.000	21510001949457	BIDV	
61	1621050446	Đinh Duy	Khánh	DCCTKT61_1	3.31		3.31	83	100.000	21510001947141	BIDV	
62	1621050181	Lê Huy	Hùng	DCCTKT61_1	3.21		3.21	81	100.000	19035868286015	Techcombank	xuân đỉnh
63	1621050307	Nguyễn Tuấn	Ngọc	DCCTKH61B	3.65		3.65	80	100.000	21510001918332	BIDV	
64	1621050395	Hy Vinh	Quang	DCCTKH61B	3.34		3.34	83	100.000	21510001927903	BIDV	
65	1621050721	Phan Tuấn	Đạt	DCCTKH61B	3.25		3.25	81	100.000	21510001950051	BIDV	
66	1521050109	Trần Tuấn	Anh	DCCTTD60_1	4.00	0.1	4.10	88	100.000	21110000886933	BIDV	
67	1521050228	Ngô Ngọc	Anh	DCCTPM60_1	4.00		4.00	88	100.000	21110000892499	BIDV	
68	1521050327	Đỗ Thị Hồng	Bích	DCCTPM60_1	4.00		4.00	85	100.000	21110000957583	BIDV	
69	1521050418	Lê Thị Thùy	Linh	DCCTPM60_1	4.00		4.00	83	100.000	21110000918906	BIDV	
70	1521050375	Nguyễn Việt	Hiếu	DCCTPM60_1	4.00		4.00	81	100.000	21110000921296	BIDV	
71	1521070180	Nguyễn Tiến	Bảo	DCCTPM60_1	4.00		4.00	83	100.000	21110000916511	BIDV	
72	1521050553	Trần Văn	Tôn	DCCTMM60_1	4.00		4.00	87	100.000	21110000920169	BIDV	
73	1521050524	Lê Thị Ngọc	Ánh	DCCTMM60_1	4.00		4.00	85	100.000	0491000167316	Vietcombank	Hoàng Quốc Việt
74	1521050009	Nguyễn Công	Hậu	DCCTMM60_1	4.00		4.00	85	100.000	3107959301	TP Bank	Mỹ đình
75	1521050127	Đỗ Hữu	Trường	DCCTMM60_1	4.00		4.00	80	100.000	21110000888364	BIDV	
76	1521050215	Nguyễn Thị	Phương	DCCTMM60_1	4.00		4.00	80	100.000	069704060066213	VIB	cầu giấy
77	1521050072	Nguyễn Đức	Cường	DCCTMM60_1	4.00		4.00	80	100.000	21110000905148	BIDV	

TT	MSSV	Họ đệm	Tên	Lớp	TB học tập	Điểm thưởng	Điểm TBC MR	Điểm rèn luyện	Thành tiền (đ)	Tài khoản	Tên ngân hàng	Chi Nhánh
78	1521050277	Nguyễn Thùy	Dương	DCCTMM60_1	4.00		4.00	80	100.000	21110000908509	BIDV	
79	1521050238	Mai Sỹ	Hùng	DCCTMM60_1	4.00		4.00	80	100.000	03814300601	TPBank	Phạm Hùng
80	1521050032	Cao Khánh	Toàn	DCCTMM60_1	4.00		4.00	80	100.000	21510002629664	BIDV	
81	1521050263	Trịnh Quang	Hưng	DCCTMM60_1	4.00		4.00	80	100.000	109872116156	Viettinbank	52 Lạc Long Quân
82	1521050252	Tạ Quang	Thịnh	DCCTMM60_1	4.00		4.00	80	100.000	33010000247495	BIDV	
83	1521050071	Nghiêm Ngọc	Hoài	DCCTMM60_1	4.00		4.00	80	100.000	21110000905139	BIDV	cầu giấy
84	1521050267	Hồ Sỹ	Cường	DCCTMM60_1	4.00		4.00	80	100.000	3624205139568	Agribank	Hoàng Mai
85	1521050112	Nguyễn Doãn	Hoan	DCCTMM60_1	4.00		4.00	80	100.000	21110000886960	BIDV	
86	1521050182	Hoàng Danh	Cường	DCCTMM60_1	4.00		4.00	80	100.000	19034483917018	techcombank	Hoàng Quốc Việt
87	1521050205	Lê Đình	Đồng	DCCTMM60_1	4.00		4.00	80	100.000	21110000895595	BIDV	
88	1521050102	Nguyễn văn	Thắng	DCCTKH60_1	4.00		4.00	88	100.000	21110000886863	BIDV	
89	1521050095	Đỗ Thị	Ngọc	DCCTKH60_1	4.00		4.00	80	100.000	21110000886793	BIDV	
90	1521050190	Lê Văn	Tình	DCCTKH60_1	4.00		4.00	82	100.000	21110000894714	BIDV	
91	1521050030	Phùng Thị Ngọc	Lan	DCCTKH60_1	4.00		4.00	80	100.000	21110000901076	BIDV	
92	1521050247	Võ Thị	Thương	DCCTTK60_1	4.00		4.00	86	100.000	21110000892675	BIDV	
93	1521050239	Phạm Thị	Lý	DCCTTK60_1	4.00		4.00	85	100.000	21110000892596	BIDV	
94	1521050510	Trần Công	Tường	DCCTTK60_1	4.00		4.00	81	100.000	22010000740840	BIDV	
95	1521050278	Hoàng Thu	Phương	DCCTTK60_1	4.00		4.00	80	100.000	21110000908518	BIDV	

TT	MSSV	Họ đệm	Tên	Lớp	TB học tập	Điểm thưởng	Điểm TBC MR	Điểm rèn luyện	Thành tiền (đ)	Tài khoản	Tên ngân hàng	Chi Nhánh
96	1521050452	Ngô Thị	Phượng	DCCTTK60_1	4.00		4.00	80	100.000	21110000920956	BIDV	
97	1521050433	Lê Hoàng	Nam	DCCTTK60_1	4.00		4.00	80	100.000	21110000917921	BIDV	
98	1521011003	Nguyễn Hữu	Sơn	DCCTTK60_1	4.00		4.00	80	100.000	21510001970457	BIDV	
99	1521050103	Đào Văn	Báu	DCCTPM60_1	3.39		3.39	87	100.000	21110000886872	BIDV	
Tổng cộng:									**9.900.000**			

Tổng cộng A+B = 1.200.000 + 9.900.000 = 11.100.000(đ)

(Số tiền viết bằng chữ: Mười một triệu một trăm nghìn đồng)

Duyệt của BGH **Phòng Kế hoạch Tài chính** **Phòng CTCT-SV** **Lãnh đạo khoa** **Người lập biểu**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

P. T. P. Chi

Lê Hồng Anh

Nguyễn Đức Quân

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Trần Thanh Hải

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1128 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 04 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc khen thưởng sinh viên khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất học kỳ II, năm học 2019 - 2020

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật giáo dục Đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi bổ sung, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số diều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 2007/QĐ-MĐC ngày 31/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy chế quản lý sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất";

Căn cứ Quyết định số 1522/QĐ-MĐC ngày 01/11/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy định Quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ";

Căn cứ Quyết định số 703/QĐ-MĐC ngày 31/5/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy định xét khen thưởng và cấp giấy khen cho sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất";

Căn cứ danh sách đề nghị khen thưởng cá nhân sinh viên trong học kỳ II, năm học 2019 - 2020 của khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Công tác Chính trị - Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh hiệu "Sinh viên Xuất sắc" cho 01 sinh viên và "Sinh viên Giỏi" cho 13 sinh viên trong học kỳ II, năm học 2019 - 2020 của khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Chi số tiền **1.500.000** đồng *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)* để thưởng cho các cá nhân sinh viên đạt danh hiệu thi đua, mức thưởng như sau:

- Danh hiệu "Sinh viên Xuất sắc": 200.000 đồng/sinh viên;
- Danh hiệu "Sinh viên Giỏi": 100.000 đồng/sinh viên.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Công tác Chính trị - Sinh viên, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Trưởng khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất, Trưởng các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Hiệu trưởng (để báo cáo);
- Như điều 3 (để t/hiện);
- Lưu HCTH, CTSV(01).

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

GS.TS Trần Thanh Hải

DANH SÁCH TẬP THỂ, CÁ NHÂN SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN DANH HIỆU THI ĐUA
KHOA KH&KT ĐỊA CHẤT HỌC KỲ II NĂM HỌC 2019-2020
(Kèm theo quyết định số 1128 /QĐ-MĐC, ngày 04 tháng 11 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất)

I. Danh hiệu sinh viên Xuất sắc

TT	MSSV	Họ và tên		Lớp	TB học tập	Điểm RL	Tiền thưởng (đ)	Số tài khoản	Tên ngân hàng	Ký nhận
1	1621020022	Võ Tú	Quyên	DCDCCT_61	3,60	91	200.000	21510001920586	BIDV	
Cộng tiền thưởng cho sinh viên đạt danh hiệu Sinh viên Xuất sắc							**200.000**			

II. Danh hiệu sinh viên Giỏi

TT	MSSV	Họ và tên		Lớp	TB học tập	Điểm RL	Tiền thưởng (đ)	Số tài khoản	Tên ngân hàng	Ký nhận
1	1621020002	Đặng Hương	Giang	DCDCDC_61	4,00	82	100.000	21510001919201	BIDV	
2	1621020025	Hoàng Quang	Trung	DCDCDC_61	3,75	82	100.000	21510001920601	BIDV	
3	1621020011	Phạm Văn	Hải	DCDCCT_61	3,73	88	100.000	21510001919256	BIDV	
4	1621020010	Đào Mạnh	Hiệp	DCDCCT_61	3,42	82	100.000	21510002703443	BIDV	
5	1621020032	Trần Thái	Bảo	DCDCCT_61	3.38	84	100.000	21510001971645	BIDV	
6	1721020011	Phạm Văn	Quang	DCDCCT62	3,50	84	100.000	21510002179619	BIDV	
7	1721040105	Thepphakone	SAVATH	DCDCDC62	3,38	81	100.000	22010000888078	BIDV	
8	1721020503	Vương Văn	Quý	DCDCCT62	3,36	81	100.000	21510002330160	BIDV	
9	1721020058	Hoàng Tuấn	Hải	DCDCCT62	3,24	81	100.000	3525205153068	Agribank - Thiệu Hóa -	
10	1721040110	Jong	XAYANG	DCDCDC62	3,20	81	100.000	2201000088139	BIDV	
11	1821020017	Chu Văn	Nghĩa	DCDCDC_63	3,24	86	100.000	46510000373135	BIDV	
12	1821020015	Vũ Đình	Tuấn	DCDCDC_63	3,61	86	100.000	21510002181818	BIDV	

TT	MSSV	Họ và tên		Lớp	TB học tập	Điểm RL	Tiền thưởng (đ)	Số tài khoản	Tên ngân hàng	Ký nhận
13	1821020023	Lê Thảo	Uyên	DCDCDC_63	3,47	80	100.000	21510002467457	BIDV	
Cộng tiền thưởng cho sinh viên đạt danh hiệu Sinh viên Giỏi							**1.300.000**			

Tổng cộng: **1.500.000**

Số tiền bằng chữ: **Một triệu năm trăm ngàn đồng**

Ngày tháng năm 2020

Duyệt Ban Giám hiệu **Phòng Kế hoạch Tài chính** **Phòng CTCT_SV** **Khoa KH&KT Địa chất** **Người lập biểu**

HIỆU TRƯỞNG

TS Trần Thanh Hải

TS Nguyễn Tiến Dũng

Phan T Thùy Dương

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 998 /QĐ-MĐC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc khen thưởng sinh viên Khoa Mỏ học kỳ II, năm học 2019 - 2020

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật giáo dục Đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi bổ sung, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 2007/QĐ-MĐC ngày 31/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy chế quản lý sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất";

Căn cứ Quyết định số 1522/QĐ-MĐC ngày 01/11/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy định Quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ";

Căn cứ Quyết định số 703/QĐ-MĐC ngày 31/5/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy định xét khen thưởng và cấp giấy khen cho sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất";

Căn cứ danh sách đề nghị khen thưởng tập thể, cá nhân sinh viên trong học kỳ II, năm học 2019 - 2020 của Khoa Mỏ;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Công tác Chính trị - Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh hiệu "Sinh viên Xuất sắc" cho 01 sinh viên và "Sinh viên Giỏi" cho 05 sinh viên trong học kỳ II, năm học 2019 - 2020 của Khoa Mỏ (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Chi số tiền **700.000** đồng *(Bảy trăm nghìn đồng)* để thưởng cho các cá nhân sinh viên đạt danh hiệu thi đua, mức thưởng như sau:

- Danh hiệu "Sinh viên Xuất sắc": 200.000 đồng/sinh viên;
- Danh hiệu "Sinh viên Giỏi": 100.000 đồng/sinh viên.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Công tác Chính trị - Sinh viên, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Trưởng Khoa Mỏ, Trưởng các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Các PHT (để p/h chỉ đạo);
- Như điều 3 (để t/hiện);
- Lưu HCTH, CTSV(02).

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

GS.TS Trần Thanh Hải

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN DANH HIỆU THI ĐUA
KHOA MỎ - HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2019-2020

(Kèm theo quyết định số 998 /QĐ-MĐC ngày 15 tháng 10 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường ĐH Mỏ - Địa chất)

A- Danh hiệu sinh viên xuất sắc

TT	Mã số SV	Họ tên sinh viên		Lớp	Điểm TBCHT (lần 1)	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR (lần 1)	Điểm RL	Tiền thưởng (đồng)	Tài khoản	Ký nhận
1	1821040035	Đặng Tiến	Anh	Khai Thác K63	3,7	0,1	3,8	90	200.000	21510002465202	

A- Danh hiệu sinh viên giỏi

TT	Mã số SV	Họ tên sinh viên		Lớp	Điểm TBCHT (lần 1)	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR (lần 1)	Điểm RL	Tiền thưởng (đồng)	Tài khoản	Ký nhận
1	1621040003	Trần Xuân	Trà	Tuyển khoáng K61	4		4	84	100.000	21510001923804	
2	1621040124	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Tuyển khoáng K61	3,87	0,1	3,97	88	100.000	21510001921376	
3	1621040007	Đặng Thị	Thu	Tuyển khoáng K61	3,81		3,81	83	100.000	21510001923822	
4	1721040049	Trần Khánh	Huyền	Tuyển khoáng K62	3,47	0,1	3,57	86	100.000	21510002187436	
5	1821040017	Tống Hoàng	Long	Khai Thác K63	3,31		3,31	83	100.000	21510002477085	
				Cộng					**500.000**		

Tổng cộng = A + B = 200.000 + 500.000 = 700.000 đồng

(Bằng chữ: Bảy trăm ngàn đồng chẵn).

Hà nội, ngày 29 tháng 9 năm 2020

Duyệt của BGH	Phòng KHTC	Phòng CTCT-SV	Ban chủ nhiệm Khoa	Người lập danh sách
HIỆU TRƯỞNG	Phạm T. P. Chi	Lê Xuân Thắng	PGS.TS Phạm Văn Hòa	Hoàng Thị Nga
GS.TS Trần Thanh Hải				

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 996 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc khen thưởng sinh viên khoa Xây Dựng học kỳ II, năm học 2019 - 2020

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật giáo dục Đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi bổ sung, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 2007/QĐ-MĐC ngày 31/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy chế quản lý sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất";

Căn cứ Quyết định số 1522/QĐ-MĐC ngày 01/11/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy định Quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ";

Căn cứ Quyết định số 703/QĐ-MĐC ngày 31/5/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy định xét khen thưởng và cấp giấy khen cho sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất";

Căn cứ danh sách đề nghị khen thưởng tập thể, cá nhân sinh viên trong học kỳ II, năm học 2019 - 2020 của khoa Xây Dựng;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Công tác Chính trị - Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh hiệu "Sinh viên Xuất sắc" cho 03 sinh viên và "Sinh viên Giỏi" cho 12 sinh viên trong học kỳ II, năm học 2019 - 2020 của khoa Xây Dựng (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Chi số tiền **1.800.000** đồng *(Một triệu tám trăm nghìn đồng)* để thưởng cho các cá nhân sinh viên đạt danh hiệu thi đua, mức thưởng như sau:

- Danh hiệu "Sinh viên Xuất sắc": 200.000 đồng/sinh viên;
- Danh hiệu "Sinh viên Giỏi": 100.000 đồng/sinh viên.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Công tác Chính trị - Sinh viên, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Trưởng khoa Xây Dựng, Trưởng các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Các Phó hiệu trưởng (để p/h chỉ đạo);
- Như điều 3 (để t/hiện);
- Lưu HCTH, CTSV(5).

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

GS.TS Trần Thanh Hải

DANH SÁCH TẬP THỂ, CÁ NHÂN SINH VIÊN KHOA XÂY DỰNG
ĐƯỢC CÔNG NHẬN DANH HIỆU THI ĐUA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2019-2020

(Kèm theo Quyết định số: ..996..../QĐ-MĐC ngày..15..tháng..10 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất)

A. Danh hiệu sinh viên Xuất sắc:

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm học tập, rèn luyện				Tiền thưởng (ĐVT: Đồng)	Số tài khoản	Ký nhận
					TBHT	Thưởng	TBMR	ĐRL			
1	1621070090	Nguyễn Văn	Cương	DCXDXN61_2	3,64			92	200.000	21510001921747	
2	1621070079	Lê Thị	Thơm	DCXDDC61_2	3,73	0,05	3,78	91	200.000	21510001931621	
3	1721070033	Dương Thị Hương	Ly	DCXDDC62	3,74	0,1	3,84	91	200.000	21510002196548	
Cộng tiền thưởng cho sinh viên Xuất sắc									**600.000**		

B. Danh hiệu sinh viên Giỏi

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm học tập, rèn luyện				Tiền thưởng (ĐVT: Đồng)	Số tài khoản	Ký nhận
					TBHT	Thưởng	TBMR	ĐRL			
1	1621070196	Lê Văn	Khoa	DCXDNM61_2	3,60		3,60	80	100.000	21510001919584	
2	1621070736	Đinh Hoàng Khánh	Thịnh	DCXDNM61_2	3,77		3,77	83	100.000	21510001948083	
3	1621070029	Phạm Văn	Thế	DCXDNM61_2	3,41		3,41	81	100.000	21510001946661	
4	1621070212	Nguyễn Thành	Đô	DCXDXN61_2	4,00		4,00	88	100.000	21510001919706	
5	1321070405	Lê Tuấn	Anh	DCXDDC58_2	3,35		3,35	81	100.000	42710000326876	
6	1621070180	Chu Minh	Chiến	DCXDDC61_2	3,25		3,25	81	100.000	21510001934806	
7	1621070008	Trương Công	Thế	DCXDDC61_2	3,35		3,35	80	100.000	21510001929103	
8	1621070098	Nguyễn Văn	Khỏe	DCXDHT61_2	3,57		3,57	83	100.000	21510001933089	
9	1621070173	Nguyễn Văn	Quang	DCXDHT61_2	3,55		3,55	81	100.000	21510001934781	
10	1721070017	Phạm Hữu	Thăng	DCXDDC62	3,50		3,50	81	100.000	21510002185096	
11	1721070023	Nguyễn Anh	Tú	DCXDHT62	3,71		3,71	82	100.000	21510002180790	
12	1821070031	Hoàng Hữu	Sao	DCXDHT63	3,20		3,20	86	100.000	21510002467828	
Cộng tiền thưởng cho sinh viên Giỏi									**1.200.000**		

Tổng cộng: A + B = 600.000 + 1.200.000 = 1.800.000

Bằng chữ: Một triệu tám trăm nghìn đồng chẵn

Ban Giám hiệu	*Phòng Kế hoạch tài chính*	*Phòng CTCT - SV*	*Ban chủ nhiệm Khoa*	*Người lập biểu*
HIỆU TRƯỞNG				
GS.TS Trần Thanh Hải	Phạm T.P. Chi	Lê Xuân Thắm	Đặng Trung Thành	Phạm Thanh Huyền

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 997 /QĐ-MĐC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc khen thưởng sinh viên khoa Môi trường học kỳ II năm học 2019 - 2020

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật giáo dục Đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi bổ sung, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 2007/QĐ-MĐC ngày 31/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy chế quản lý sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất";

Căn cứ Quyết định số 1522/QĐ-MĐC ngày 01/11/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy định Quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ";

Căn cứ Quyết định số 703/QĐ-MĐC ngày 31/5/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy định xét khen thưởng và cấp giấy khen cho sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất";

Căn cứ danh sách đề nghị khen thưởng tập thể, cá nhân sinh viên trong học kỳ II, năm học 2019 - 2020 của khoa Môi trường;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Công tác Chính trị - Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh hiệu "Lớp tiên tiến" cho 01 lớp, "Sinh viên Xuất sắc" cho 04 sinh viên và "Sinh viên Giỏi" cho 28 sinh viên trong học kỳ II, năm học 2019 - 2020 của khoa Môi trường (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Chi số tiền **3.900.000** đồng *(Ba triệu chín trăm nghìn đồng)* để thưởng cho các tập thể và cá nhân sinh viên đạt danh hiệu thi đua, mức thưởng như sau:

- Danh hiệu "Lớp tiên tiến": 300.000 đồng/lớp;
- Danh hiệu "Sinh viên Xuất sắc": 200.000 đồng/sinh viên;
- Danh hiệu "Sinh viên Giỏi": 100.000 đồng/sinh viên.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Công tác Chính trị - Sinh viên, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Trưởng khoa Môi trường, Trưởng các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Các PHT (để p/h chỉ đạo);
- Như điều 3 (để t/hiện);
- Lưu HCTH, CTSV(02).

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

GS.TS Trần Thanh Hải

DANH SÁCH TẬP THỂ, CÁ NHÂN SINH VIÊN KHOA MÔI TRƯỜNG K61-K64
ĐƯỢC CÔNG NHẬN DANH HIỆU THI ĐUA HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2019-2020
(Kèm theo quyết định số:.....997..... /QĐ-MĐC ngày..15..tháng.10..năm 2020 của Hiệu trưởng Trường ĐH Mỏ - Địa chất)

A. DANH HIỆU LỚP SINH VIÊN TIÊN TIẾN

TT	Tập thể lớp	Danh hiệu thi đua	Tiền thưởng (ĐVT: Đồng)	Số tài khoản	Tên ngân hàng	Chi nhánh
1	Lớp Kỹ thuật môi trường K62	Tập thể lớp sinh viên Tiên tiến	300.000			
Cộng tiền thưởng cho tập thể đạt danh hiệu Tập thể lớp sinh viên Tiên tiến			**300.000**			

B. DANH SÁCH SINH VIÊN XUẤT SẮC

TT	MSSV	Họ và tên sinh viên		Lớp	Điểm học tập, rèn luyện				Tiền thưởng (ĐVT: Đồng)	Số tài khoản	Tên ngân hàng	Chi nhánh
					TBHT	Thưởng	TBMR	ĐRL				
1	1621080003	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	Kỹ thuật môi trường K61	4,00	0,1	4,10	98	200.000	21510001919751	BIDV	Cầu Giấy
2	1621080136	Đỗ Thị Như	Mây	Kỹ thuật môi trường K61	3,67	0,05	3,72	91	200.000	21510001923062	BIDV	Cầu Giấy
3	1621080122	Nguyễn Thị Thu	Trang	Kỹ thuật môi trường K61	4,00	0,1	4,10	96	200.000	21510001922999	BIDV	Cầu Giấy
4	1721080003	Lê Quốc	Anh	Kỹ thuật môi trường K62	3,61	0,1	3,71	93	200.000	21510002186354	BIDV	Cầu Giấy
Cộng tiền thưởng cho sinh viên đạt danh hiệu Sinh viên Xuất sắc									**800.000**			

C.DANH HIỆU SINH VIÊN GIỎI

TT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm học tập, rèn luyện				Tiền thưởng (ĐVT: Đồng)	Số tài khoản	Tên ngân hàng	Chi nhánh
					TBHT	Thưởng	TBMR	ĐRL				
1	1521080150	Nguyễn Xuân	Hiếu	Địa sinh thái &CNMT K60	4,00	0,1	4,10	85	100.000	21110000922129	BIDV	Cầu Giấy
2	1521080180	Lê Trung	Kiên	Địa sinh thái &CNMT K60	4,00		4,00	83	100.000	19035731891019	Techcombank	Trần Bình
3	1521080021	Nguyễn Minh	Quân	Địa sinh thái &CNMT K60	4,00		4,00	80	100.000	19035174804019	Techcombank	Tây Hồ
4	1521080014	Nguyễn Mạnh	Tiến	Địa sinh thái &CNMT K60	4,00	0,1	4,10	85	100.000	37510000266691	BIDV	Cầu Giấy
5	1521080286	Vũ Hồng	Vân	Địa sinh thái &CNMT K60	4,00	0,1	4,10	83	100.000	21110000921843	BIDV	Cầu Giấy
6	1521080041	Phạm Đình	Mạnh	Kỹ thuật môi trường K60	4,00	0,1	4,10	83	100.000	11610000244740	BIDV	Hoài Đức
7	1521080265	Bùi Công	Tiến	Kỹ thuật môi trường K60	4,00		4,00	83	100.000	21110000922332	BIDV	Cầu Giấy
8	1521039001	Đàm Quang	Trung	Kỹ thuật môi trường K60	4,00	0,05	4,05	80	100.000	33010000275405	BIDV	Cầu Giấy
9	1521080278	Nguyễn Anh	Tuấn	Kỹ thuật môi trường K60	4,00	0,1	4,10	82	100.000	21110000918845	BIDV	Cầu Giấy
10	1621080701	Phùng Tiến	Anh	Địa sinh thái &CNMT K61	4,00		4,00	81	100.000	21510001948092	BIDV	Cầu Giấy
11	1621080079	Tô Thị	Hằng	Địa sinh thái &CNMT K61	3,53		3,53	81	100.000	21510001921297	BIDV	Cầu Giấy

12	1621080728	Lê Vũ Ngọc	Huyền	Địa sinh thái &CNMT K61	3,56		3,56	81	100.000	21510002326752	BIDV	Cầu Giấy
13	1621080107	Nguyễn Thị	Huyền	Địa sinh thái &CNMT K61	4,00	0,05	4,05	86	100.000	21510001971450	BIDV	Cầu Giấy
14	1621080001	Nguyễn Chí Bảo	Phong	Địa sinh thái &CNMT K61	3,50	0,05	3,55	81	100.000	21510001971520	BIDV	Cầu Giấy
15	1621080062	Phí Thu	Thuỷ	Địa sinh thái &CNMT K61	3,46	0,1	3,56	86	100.000	21510001921190	BIDV	Cầu Giấy
16	1621080111	Trương Thị	Cúc	Địa sinh thái &CNMT K61	3,80		3,80	80	100.000	21510001921817	BIDV	Cầu Giấy
17	1621080033	Vũ Thị Thuỳ	Linh	Địa sinh thái &CNMT K61	3,90		3,90	81	100.000	21510001920249	BIDV	Cầu Giấy
18	1621080060	Trịnh Thị Hải	Yến	Địa sinh thái &CNMT K61	3,67		3,67	81	100.000	21510001921181	BIDV	Cầu Giấy
19	1621080713	Đinh Thị Thùy	Linh	Kỹ thuật môi trường K61	4,00	0,1	4,10	86	100.000	21510001948126	BIDV	Cầu Giấy
20	1621080148	Nguyễn Thanh	Văn	Kỹ thuật môi trường K61	3,70		3,70	84	100.000	21510001921826	BIDV	Cầu Giấy
21	1621080029	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Kỹ thuật môi trường K61	4,00		4,00	86	100.000	21510001971478	BIDV	Cầu Giấy
22	1621080141	Phan Lan	Hương	Kỹ thuật môi trường K61	4,00		4,00	84	100.000	19035228914011	Techcombank	PVĐồng
23	1621080710	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Kỹ thuật môi trường K61	4,00		4,00	86	100.000	21510001948108	BIDV	Cầu Giấy
24	1621080096	Dương Ngọc	Mạnh	Kỹ thuật môi trường K61	3,68		3,68	84	100.000	21510001954372	BIDV	Cầu Giấy
25	1721080031	Phạm Xuân	Vĩ	Kỹ thuật môi trường K62	3,34	0,1	3,44	81	100.000	21510002182200	BIDV	Cầu Giấy
26	1721080022	Nguyễn Ngọc	Vinh	Kỹ thuật môi trường K62	3,79		3,79	81	100.000	50110000822755	BIDV	Thanh Hóa
27	1721030027	Nguyễn Hải	Diệp	Kỹ thuật môi trường K62	3,71		3,71	81	100.000	21510002185935	BIDV	Cầu Giấy
28	1821080059	Nguyễn Phương	Thảo	Địa sinh thái &CNMT K63	3,21	0,05	3,26	94	100.000	21510002463756	BIDV	Cầu Giấy
Cộng tiền thưởng cho cá nhân đạt danh hiệu Sinh viên Giỏi									**2.800.000**			

Tổng cộng: A + B+C = 3.900.000

(Bằng chữ: Ba triệu chín trăm nghìn đồng chẵn)

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

Duyệt BGH

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Trần Thanh Hải

Phòng KHTC

Phạm T.P. Chi

Phòng CTCT-SV

Lê Xuân Thanh

Ban chủ nhiệm Khoa

Đỗ Minh Thuân

Người lập danh sách

Hoàng Thu Trang

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 999 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc khen thưởng sinh viên khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh học kỳ II, năm học 2019 - 2020

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật giáo dục Đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi bổ sung, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số diều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 2007/QĐ-MĐC ngày 31/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy chế quản lý sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất";

Căn cứ Quyết định số 1522/QĐ-MĐC ngày 01/11/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy định Quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ";

Căn cứ Quyết định số 703/QĐ-MĐC ngày 31/5/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành "Quy định xét khen thưởng và cấp giấy khen cho sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất";

Căn cứ danh sách đề nghị khen thưởng tập thể, cá nhân sinh viên trong học kỳ II, năm học 2019 - 2020 của khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Công tác Chính trị - Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh hiệu "Sinh viên Xuất sắc" cho 17 sinh viên và "Sinh viên Giỏi" cho 244 sinh viên trong học kỳ II, năm học 2019 - 2020 của khoa Kinh tế & Quản trị kinh doanh (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Chi số tiền **27.800.000** đồng *(Hai mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng)* để thưởng cho các cá nhân sinh viên đạt danh hiệu thi đua, mức thưởng như sau:

- Danh hiệu "Sinh viên Xuất sắc": 200.000 đồng/sinh viên;
- Danh hiệu "Sinh viên Giỏi": 100.000 đồng/sinh viên.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Công tác Chính trị - Sinh viên, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Trưởng khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Trưởng các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Các PHT (để p/h chỉ đạo);
- Như điều 3 (để t/hiện);
- Lưu HCTH, CTSV(10).

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

GS.TS Trần Thanh Hải

DANH SÁCH TẬP THỂ, CÁ NHÂN SINH VIÊN KHOA KINH TẾ & QTKD
ĐƯỢC CÔNG NHẬN DANH HIỆU THI ĐUA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2019 - 2020

(Kèm theo Quyết định số: 999/QĐ-MĐC ngày 15 tháng 10 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất)

A. Danh hiệu sinh viên xuất sắc

STT	MSSV	Họ và Tên		Lớp	Điểm học tập, Rèn Luyện				Số tiền (đồng)	Số tài khoản	Tên ngân hàng	Chi nhánh
					TBHT	Thưởng	TBMR	ĐRL				
1	1624010963	Đặng Thu	Anh	Kế toán DN A K61	4,00	0,10	4,10	95	200.000	21510001949086	BIDV	
2	1624010392	Nguyễn Thế	Hùng	Kế toán DN B K61	4,00	0,10	4,10	91	200.000	21510001933575	BIDV	
3	1624010409	Lê Thị	Ngọc	Kế toán DN C K61	4,00		4,00	98	200.000	21510001919876	BIDV	
4	1624010561	Lương Minh	Tú	Kế toán DN C K61	4,00	0,10	4,10	93	200.000	21510001922254	BIDV	
5	1621010103	Nguyễn Thị Hà	Giang	Kế toám DN E K61	4,00		4,00	90	200.000	21510001917524	BIDV	
6	1624010381	Phạm Thu	Uyên	Kế toám DN E K61	4,00	0,05	4,05	100	200.000	21510001953111	BIDV	
7	1624010710	Nguyễn Minh	Phượng	Kế toám DN E K61	4,00	0,10	4,10	98	200.000	21510001924630	BIDV	
8	1624010573	Lương Thị	Giang	Kế toám DN E K61	4,00	0,05	4,05	90	200.000	21510001954026	BIDV	
9	1624010020	Nguyễn Trung	Kiên	QTKD A K61	4,00	0,10	4,10	93	200.000	21510001923202	BIDV	
10	1624011036	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	QTKD B K61	4,05		4,05	90	200.000	21510001948205	BIDV	
11	1624010013	Nguyễn Hoàng Khánh	Linh	QTKD D K61	4,00	0,10	4,10	93	200.000	21510001923178	BIDV	
12	1624010128	Vũ Nguyên	Dũng	QTKD D K61	4,00	0,05	4,05	90	200.000	21510001925466	BIDV	
13	1624010280	Đặng Thị	Huyền	QTKD C K61	4,05	0,05	4,10	91	200.000	21510001929750	BIDV	
14	1724010455	Phạm Ngọc	Lan	Kế toán DN B K62	3,54	0,1	3,64	93	200.000	21510002185078	BIDV	
15	1724010607	Nguyễn Thị	Oanh	Kế toán DN B K62	3,58	0,05	3,63	91	200.000	21510002197231	BIDV	
16	1724010429	Đinh Thị	Hạnh	Kế toán DN C K62	3,79	0,1	3,89	95	200.000	21510002184154	BIDV	
17	1824010102	Nguyễn Trường	Giang	Kế toán DN B K63	3,80	0,1	3,90	98	200.000	21510002469772	BIDV	
Cộng tiền thưởng cho sinh viên đạt danh hiệu sinh viên xuất sắc:									**3.400.000**			

B. Danh hiệu sinh viên Giỏi

STT	MSSV	Họ và Tên		Lớp	Điểm học tập, Rèn Luyện				Số tiền (đồng)	Ký nhận	Tên ngân hàng	Chi nhánh
					Học tập	Thưởng	TBMR	ĐRL				
1	1624010140	Lê Thị	Hằng	Kế toán DN A K61	4,00		4,00	87	100.000	21510001947336	BIDV	
2	1624010576	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Kế toán DN A K61	4,00		4,00	85	100.000	21510001953157	BIDV	
3	1624010647	Lê Thị Thanh	Thủy	Kế toán DN A K61	4,00		4,00	85	100.000	21510001952978	BIDV	

STT	MSSV	Họ và Tên		Lớp	Điểm học tập, Rèn Luyện				Số tiền (đồng)	Số tài khoản	Tên ngân hàng	Chi nhánh
					TBHT	Thưởng	TBMR	ĐRL				
4	1624010727	Lê Thị Hồng	Thủy	Kế toán DN A K61	4,00		4,00	87	100.000	21510001952279	BIDV	
5	1624010441	Đinh Thủy	Tiên	Kế toán DN A K61	4,00		4,00	80	100.000	21510001920072	BIDV	
6	1624010491	Lại Thùy	Trang	Kế toán DN A K61	4,00		4,00	80	100.000	21510001917029	BIDV	
7	1624010535	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Kế toán DN A K61	4,00		4,00	80	100.000	21510001933706	BIDV	
8	1624010370	Nguyễn Thị	Nhật	Kế toán DN A K61	3,65		3,65	80	100.000	21510001932749	BIDV	
9	1624010866	Nguyễn Thu	Phương	Kế toán DN A K61	4,00		4,00	80	100.000	21510001948667	BIDV	
10	1624010391	Nguyễn Thị	Hương	Kế toán DN A K61	4,00		4,00	80	100.000	21510001953786	BIDV	
11	1624010675	Vũ Thu	Duyên	Kế toán DN A K61	4,00		4,00	80	100.000	21510001924472	BIDV	
12	1624010921	Vũ Thị	Đào	Kế toán DN A K61	4,00		4,00	80	100.000	21510001948861	BIDV	
13	1624010944	Nguyễn Thị Mai	Anh	Kế toán DN B K61	4,00		4,00	80	100.000	21510001948995	BIDV	
14	1624010510	Nguyễn Thị	Hạnh	Kế toán DN B K61	4,00		4,00	80	100.000	21510001952853	BIDV	
15	1624010867	Phí Thị Lan	Hương	Kế toán DN B K61	4,00		4,00	80	100.000	21510001953102	BIDV	
16	1624010901	Đỗ Thị	Ly	Kế toán DN B K61	4,00		4,00	80	100.000	21510001948773	BIDV	
17	1624010629	Nguyễn Thị	Thư	Kế toán DN B K61	4,00		4,00	80	100.000	21510001923406	BIDV	
18	1624010433	Đào Thị	Thương	Kế toán DN B K61	4,00	0,05	4,05	82	100.000	21510001920036	BIDV	
19	1624010365	Lê Thị	Thủy	Kế toán DN B K61	4,00		4,00	85	100.000	21510001932697	BIDV	
20	1624010694	Dư Thị	Trinh	Kế toán DN B K61	4,00		4,00	83	100.000	21510001954150	BIDV	
21	1624010837	Nguyễn Văn	Vượng	Kế toán DN B K61	4,00		4,00	83	100.000	21510001948542	BIDV	
22	1624010386	Đinh Thị	Hoa	Kế toán DN C K61	4,00		4,00	85	100.000	21510001932828	BIDV	
23	1624010955	Dương Thị	Thủy	Kế toán DN C K61	4,00		4,00	81	100.000	21510001949068	BIDV	
24	1624010427	Trần Thị Kiều	Loan	Kế toán DN C K61	4,00		4,00	80	100.000	21510001919991	BIDV	
25	1624010932	Lê Thu	Hằng	Kế toán DN C K61	4,00		4,00	80	100.000	21510001948940	BIDV	
26	1624010399	Nguyễn Thị Thanh	Mai	Kế toán DN C K61	4,00		4,00	80	100.000	21510001953865	BIDV	
27	1624010344	Hạ Thị Hồng	Hạnh	Kế toán DN C K61	4,00		4,00	80	100.000	21510001947169	BIDV	
28	1624010946	Nguyễn Hồng	Liên	Kế toán DN C K61	4,00		4,00	80	100.000	21510001949013	BIDV	
29	1624010859	Nguyễn Thị	Hường	Kế toán DN C K61	4,00		4,00	80	100.000	21510001948612	BIDV	
30	1624010451	Phạm Thị	Yến	Kế toán DN C K61	4,00		4,00	80	100.000	21510001954008	BIDV	
31	1624010526	Nguyễn Thị	Thoa	Kế toán DN C K61	4,00		4,00	84	100.000	21510001918615	BIDV	
32	1624010868	Lê Hồng	Thúy	Kế toán DN C K61	4,00		4,00	83	100.000	21510001949411	BIDV	

STT	MSSV	Họ và Tên		Lớp	Điểm học tập, Rèn Luyện				Số tiền (đồng)	Số tài khoản	Tên ngân hàng	Chi nhánh
					TBHT	Thưởng	TBMR	ĐRL				
33	1624010366	Vũ Thị Thanh	Thảo	Kế toán DN C K61	4,00		4,00	83	100.000	21510001932703	BIDV	
34	1624010986	Tăng Thị Ngọc	Bích	Kế toán DN C K61	4,00		4,00	80	100.000	21510001949095	BIDV	
35	1624010503	Trần Thị Thu	Thủy	Kế toán DN C K61	4,00		4,00	85	100.000	21510001952710	BIDV	
36	1624010965	Nguyễn Thị	Thương	Kế toán DN C K61	4,00		4,00	80	100.000	21510001954017	BIDV	
37	1624010915	Trịnh Thị	Yến	Kế toán DN C K61	4,00		4,00	80	100.000	21510001948825	BIDV	
38	1624010355	Trần Thị	Huyền	Kế toán DN C K61	3,50		3,50	80	100.000	21510001932642	BIDV	
39	1624010903	Vũ Thị	Quý	Kế toán DN C K61	3,50		3,50	80	100.000	21510001948782	BIDV	
40	1624010605	Trần Thị Bích	Ngọc	Kế toán DN C K61	3,50		3,50	80	100.000	21110001334241	BIDV	
41	1624010451	Nguyễn Thị Kiều	Trang	Kế toán DN C K61	4,00		4,00	80	100.000	21510001916877	BIDV	
42	1624010938	Bùi Thị	Thảo	Kế toán DN D K61	4,00		4,00	85	100.000	21510001948959	BIDV	
43	1624010334	Nguyễn Thị	Hạ	Kế toán DN D K61	4,00		4,00	85	100.000	21510001918837	BIDV	
44	1624010412	Nguyễn Thị	Nhạn	Kế toán DN D K61	4,00	0,10	4,10	85	100.000	21510001919894	BIDV	
45	1624010420	Vũ Tiến	Dũng	Kế toán DN D K61	4,00	0,05	4,05	85	100.000	21510001919946	BIDV	
46	1624010436	Đỗ Thị	Hiền	Kế toán DN D K61	4,00		4,00	85	100.000	21510001920054	BIDV	
47	1624010650	Trương Thị	Mai	Kế toán DN D K61	4,00		4,00	85	100.000	21510001923503	BIDV	
48	1624010680	Dương Thị	Lệ	Kế toán DN D K61	4,00		4,00	85	100.000	21510001946917	BIDV	
49	1624010452	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Kế toán DN D K61	4,00		4,00	82	100.000	21510001953519	BIDV	
50	1624010916	Đinh Thị	Hiền	Kế toán DN D K61	4,00		4,00	81	100.000	21510001948834	BIDV	
51	1624010581	Chu Thị Thu	Thúy	Kế toán DN D K61	4,00		4,00	81	100.000	21510001922342	BIDV	
52	1624010730	Đinh Thị	Hiền	Kế toán DN D K61	4,00		4,00	81	100.000	21510001953333	BIDV	
53	1624010514	Đặng Thùy	Trang	Kế toám DN E K61	4,00		4,00	80	100.000	21510001918527	BIDV	
54	1624010413	Nguyễn Thị	Trang	Kế toám DN E K61	4,00		4,00	80	100.000	21510001919900	BIDV	
55	1624010670	Nguyễn Thị Mai	Anh	Kế toám DN E K61	4,00		4,00	82	100.000	21510001924454	BIDV	
56	1624010690	Bùi Thị Thu	Phương	Kế toám DN E K61	3,50		3,50	83	100.000	21510001924560	BIDV	
57	1624010505	Lưu Thị	Bưởi	Kế toám DN E K61	4,00		4,00	80	100.000	21510001918475	BIDV	
58	1624010862	Nguyễn Thu	Hằng	Kế toám DN E K61	4,00		4,00	80	100.000	21510001948649	BIDV	
59	1624010645	Nguyễn Thị Lan	Anh	Kế toám DN E K61	4,00		4,00	80	100.000	21510001953430	BIDV	
60	1624010607	Võ Thị	Thu	Kế toám DN E K61	4,00		4,00	80	100.000	21510001922430	BIDV	
61	1624010522	Nguyễn Thị	Chinh	Kế toám DN E K61	4,00		4,00	80	100.000	21510001918572	BIDV	

STT	MSSV	Họ và Tên		Lớp	Điểm học tập, Rèn Luyện				Số tiền (đồng)	Số tài khoản	Tên ngân hàng	Chi nhánh
					TBHT	Thưởng	TBMR	ĐRL				
62	1624010586	Trần Thị	Lan	Kế toám DN E K61	3,50		3,50	80	100.000	21510001922351	BIDV	
63	1624010657	Đặng Thùy	Dương	Kế toám DN E K61	4,00		4,00	80	100.000	21510001952570	BIDV	
64	1624010348	Lê Thị Yến	Oanh	Kế toám DN E K61	3,50		3,50	80	100.000	21510001930734	BIDV	
65	1624010564	Phạm Thị Vân	Anh	Kế toám DN E K61	4,00		4,00	83	100.000	21510001922272	BIDV	
66	1624010368	Nguyễn Thị	Huệ	Kế toám DN E K61	3,50		3,50	80	100.000	21510001932721	BIDV	
67	1624010557	Phạm Thị Huyền	Trang	Kế toám DN E K61	4,00		4,00	83	100.000	21510001922227	BIDV	
68	1624010440	Nguyễn Phương	Anh	Kế toám DN G K61	4,00		4,00	85	100.000	21510001920063	BIDV	
69	1624010951	Vũ Thị Lan	Chi	Kế toám DN G K61	4,00	0,05	4,05	80	100.000	21510001972107	BIDV	
70	1624010506	Nguyễn Thị Phượng	Linh	Kế toám DN G K61	4,00		4,00	80	100.000	21510001918484	BIDV	
71	1624010865	Kiều Thị Hồng	Nhung	Kế toám DN G K61	4,00	0,05	4,05	80	100.000	21510001948658	BIDV	
72	1624010361	Hoàng Thị Lam	Phương	Kế toám DN G K61	4,00	0,05	4,05	85	100.000	21510001932660	BIDV	
73	1624010672	Phạm Thị Thu	Phương	Kế toám DN G K61	3,50		3,50	81	100.000	21510001924463	BIDV	
74	1624011034	Lê Văn	Duyệt	QTKD A K61	4,00		4,00	88	100.000	21510001952145	BIDV	
75	1624010276	Đoàn Thị	Hoa	QTKD A K61	4,00		4,00	80	100.000	21510001929723	BIDV	
76	1624010253	Trần Thị	Hạnh	QTKD A K61	4,00		4,00	80	100.000	21510001921905	BIDV	
77	1624010100	Trần Thúy	Linh	QTKD A K61	4,00		4,00	80	100.000	21510001921844	BIDV	
78	1624010113	Đỗ Huyền	Trang	QTKD A K61	4,00		4,00	80	100.000	21410002831851	BIDV	
79	1624010121	Dương Thị ánh	Tuyết	QTKD A K61	4,00		4,00	80	100.000	21510001925448	BIDV	
80	1624010229	Nguyễn Thị	Đào	QTKD A K61	4,00		4,00	85	100.000	21510001927523	BIDV	
81	1624010269	Phạm Thị	Nhung	QTKD A K61	4,00		4,00	80	100.000	21510001928298	BIDV	
82	1624010792	Trần Thị	Liên	QTKD A K61	4,00		4,00	80	100.000	21510001948445	BIDV	
83	1624011041	Trần Thị	Hương	QTKD A K61	4,00		4,00	85	100.000	21510001953953	BIDV	
84	1624010132	Chu Thị Phương	Hồng	QTKD A K61	3,85		3,85	80	100.000	21510001917214	BIDV	
85	1624010295	Nguyễn Thị	Thanh	QTKD A K61	3,85		3,85	80	100.000	21510001929811	BIDV	
86	1624010051	Nguyễn Thu	Hương	QTKD A K61	3,85		3,85	80	100.000	21510001924250	BIDV	
87	1624010211	Phạm Văn	Tú	QTKD B K61	4,0		4,00	80	100.000	21510001926627	BIDV	
88	1624010745	Nguyễn Thị	Hường	QTKD B K61	4,0		4,00	85	100.000	21510001948250	BIDV	
89	1624010241	Phạm Thị	Linh	QTKD B K61	4,0		4,00	80	100.000	21510001927596	BIDV	
90	1624010101	Trần Minh	Anh	QTKD B K61	4,0		4,00	80	100.000	21510001925323	BIDV	

STT	MSSV	Họ và Tên		Lớp	Điểm học tập, Rèn Luyện				Số tiền (đồng)	Số tài khoản	Tên ngân hàng	Chi nhánh
					TBHT	Thưởng	TBMR	ĐRL				
91	1624010093	Phạm Thị Thùy	Trang	QTKD B K61	4,0		4,00	80	100.000	21510001925262	BIDV	
92	1624010081	Nguyễn Thị	Tuyến	QTKD B K61	3,5		3,50	80	100.000	21510001924366	BIDV	
93	1624010048	Đỗ Phương	Thảo	QTKD B K61	4,0		4,00	80	100.000	21510001924223	BIDV	
94	1624010086	Mai Thị	Huế	QTKD B K61	4,0		4,00	85	100.000	21510001973100	BIDV	
95	1624010154	Nguyễn Thị Thanh	Vân	QTKD B K61	3,5		3,50	80	100.000	21510001926399	BIDV	
96	1624011046	Nguyễn Quang	Sáng	QTKD B K61	4,0		4,00	80	100.000	21510001954442	BIDV	
97	1624010785	Ngô Thị	Hạnh	QTKD B K61	4,0		4,00	83	100.000	21510001948409	BIDV	
98	1624010323	Ngô Đoan	Trang	QTKD B K61	3,5		3,50	80	100.000	42710000403715	BIDV	
99	1624010248	Phí Hồng	Phát	QTKD B K61	4,0		4,00	82	100.000	44310000222592	BIDV	
100	1624010031	Nguyễn Thị Ánh	Hồng	QTKD B K61	4,0		4,00	80	100.000	21510001923248	BIDV	
101	1624010097	Nguyễn Mai	Linh	QTKD B K61	3,5		3,50	80	100.000	21510001925305	BIDV	
102	1624010021	Đỗ Thị Châu	Loan	QTKD B K61	3,5		3,50	80	100.000	21510001923211	BIDV	
103	1624010225	Phạm Thị	Hà	QTKD B K61	4,0		4,00	80	100.000	21510001927505	BIDV	
104	1624010074	Vũ Minh	Đức	QTKD B K61	4,0		4,00	80	100.000	21510002276778	BIDV	
105	1624010287	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	QTKD B K61	3,4		3,40	83	100.000	21510001929796	BIDV	
106	1624010133	Nguyễn Công	Vương	QTKD B K61	4,1		4,10	88	100.000	21510001925475	BIDV	
107	1624011003	Nguyễn Thị Nguyệt	Linh	QTKD B K61	4,0		4,00	85	100.000	21510001922005	BIDV	
108	1624010060	Phạm Quý	Dương	QTKD B K61	4,0		4,00	85	100.000	21510001924287	BIDV	
109	1624010260	Nguyễn Thị	Quyên	QTKD B K61	3,5		3,50	80	100.000	21510001928261	BIDV	
110	1624010106	Phạm Thị	Hương	QTKD B K61	3,5		3,50	82	100.000	21510001925350	BIDV	
111	1624010745	Nguyễn Thị	Hường	QTKD B K61	4,0		4,00	85	100.000	21510001948250	BIDV	
112	1624010086	Mai Thị	Huế	QTKD B K61	4,0		4,00	85	100.000	21510001973100	BIDV	
113	1624010273	Lỗ Thị Minh	Yến	QTKD C K61	4,00		4,00	81	100.000	21510001918758	BIDV	
114	1624010280	Đặng Thị	Huyền	QTKD C K61	4,00	0,05	4,05	81	100.000	21510001929750	BIDV	
115	1624010273	Lỗ Thị Minh	Yến	QTKD C K61	4,00		4,00	86	100.000	21510001918758	BIDV	
116	1624010016	Phạm Thị Hoài	Thư	QTKD C K61	4,00		4,00	86	100.000	21510001921835	BIDV	
117	1624010070	Lê Thị Ngọc	Anh	QTKD C K61	4,00		4,00	83	100.000	21510001924339	BIDV	
118	1624010305	Đinh Thị Lan	Anh	QTKD C K61	3,35		3,35	81	100.000	21510001929857	BIDV	
119	1624011047	Vũ Thị Kim	Dung	QTKD C K61	4,00		4,00	80	100.000	21510001952206	BIDV	

STT	MSSV	Họ và Tên		Lớp	Điểm học tập, Rèn Luyện				Số tiền (đồng)	Số tài khoản	Tên ngân hàng	Chi nhánh
					TBHT	Thưởng	TBMR	ĐRL				
120	1624010098	Nguyễn Thị Thuý	Hằng	QTKD C K61	3,70		3,70	80	100.000	21510001925314	BIDV	
121	1624010738	Nguyễn Duy	Hóa	QTKD C K61	3,50		3,50	80	100.000	21510001930956	BIDV	
122	1624010232	Vũ Thị	Hồng	QTKD C K61	3,50		3,50	81	100.000	21510001927541	BIDV	
123	1624010049	Nguyễn Thị	Hương	QTKD C K61	3,50		3,50	80	100.000	21510001924232	BIDV	
124	1624010102	Trần Thị Kim	Ngân	QTKD C K61	4,00		4,00	80	100.000	21510001953564	BIDV	
125	1624010291	Hà Thị Bích	Nhàn	QTKD C K61	4,00		4,00	80	100.000	21510001952516	BIDV	
126	1624010169	Nguyễn Thị Thảo	Nhi	QTKD C K61	3,70		3,70	80	100.000	21510001926469	BIDV	
127	1624010062	Phạm Thị Minh	Phương	QTKD C K61	4,00		4,00	83	100.000	21510001924296	BIDV	
128	1624010136	Cao Thị	Phương	QTKD C K61	3,50		3,50	81	100.000	21510001925484	BIDV	
129	1624010094	Nguyễn Nhật	Xuân	QTKD C K62	4,00		4,00	80	100.000	991000032644	Vietcombank	CN Hoàng Quốc Việt
130	1624010018	Trần Thị	Thịnh	QTKD D K61	4,00		4,00	83	100.000	21510001923196	BIDV	
131	1624010090	Lê Thị	Hoài	QTKD D K61	4,00		4,00	80	100.000	21710000592490	BIDV	
132	1624010044	Phạm Văn	Giang	QTKD D K61	4,00		4,00	80	100.000	21510001924205	BIDV	
133	1624010014	Nguyễn Thị	Xuân	QTKD D K61	4,00		4,00	83	100.000	21510001923187	BIDV	
134	1624010103	Nguyễn Hoa	Quỳnh	QTKD D K61	4,00		4,00	80	100.000	21510001925332	BIDV	
135	1624010200	Hoàng Thị	Trang	QTKD D K61	4,00		4,00	80	100.000	21510001954266	BIDV	
136	1624010137	Lê Thị	Thủy	QTKD D K61	3,88		3,88	80	100.000	21510002164989	BIDV	
137	1624010791	Hoàng Phi	Hùng	QTKD D K61	4,00		4,00	80	100.000	21510001948436	BIDV	
138	1624010172	Nguyễn Thị	Hoa	QTKD D K61	4,00		4,00	80	100.000	21510001926478	BIDV	
139	1624010741	Nguyễn Thị Phương	Thanh	QTKD D K61	3,88		3,88	80	100.000	21510001948232	BIDV	
140	1624010315	Nguyễn Cao	Qúi	QTKD D K61	4,00		4,00	80	100.000	21510001929893	BIDV	
141	1624010306	Dương Thị Kiều	Oanh	QTKD D K61	4,00		4,00	80	100.000	21510001929866	BIDV	
142	1624010244	Hán Thị Vân	Trường	QTKD D K61	4,00		4,00	80	100.000	21510001927602	BIDV	
143	1724010165	Ngô Thị Thúy	Hạnh	Kế toán DN A K62	3,91		3,91	89	100.000	21510002186141	BIDV	
144	1724010298	Phạm Thị	Dung	Kế toán DN A K62	3,86		3,86	87	100.000	21510002189292	BIDV	
145	1724010195	Lê Thị	Lệ	Kế toán DN A K62	3,6		3,60	87	100.000	21510002190461	BIDV	
146	1721040082	Lê Ngọc	Tú	Kế toán DN A K62	3,57		3,57	87	100.000	21510002190513	BIDV	
147	1724010598	Lê Thị	Yến	Kế toán DN A K62	3,47		3,47	85	100.000	21510002209817	BIDV	
148	1724010285	Phạm Thị	Bắc	Kế toán DN A K62	3,46		3,46	80	100.000	21510002182334	BIDV	

STT	MSSV	Họ và Tên		Lớp	Điểm học tập, Rèn Luyện				Số tiền (đồng)	Số tài khoản	Tên ngân hàng	Chi nhánh
					TBHT	Thưởng	TBMR	ĐRL				
149	1724010453	Trần Thị	Hồng	Kế toán DN A K62	3,38	0,05	3,43	87	100.000	21510002179309	BIDV	
150	1724010822	Trịnh Thị Mai	Anh	Kế toán DN A K62	3,38		3,38	85	100.000	21510002209048	BIDV	
151	1724010525	Phan Thị Hải	Yến	Kế toán DN B K62	3,68	0,05	3,73	85	100.000	21510002187506	BIDV	
152	1724010151	Phan Thị Minh	Phượng	Kế toán DN B K62	3,71		3,71	85	100.000	21510002182194	BIDV	
153	1724010459	Lê Thị	Quỳnh	Kế toán DN B K62	3,61		3,61	83	100.000	21510002183656	BIDV	
154	1724010538	Trần Thị Ánh	Kiều	Kế toán DN B K62	3,53	0,05	3,58	88	100.000	21510002209127	BIDV	
155	1724010294	Nguyễn Thị Thiên	Trang	Kế toán DN B K62	3,58		3,58	80	100.000	21510002196450	BIDV	
156	1724010282	Trần Thị Minh	Ngọc	Kế toán DN B K62	3,57		3,57	83	100.000	21510002188943	BIDV	
157	1724010530	Trịnh Trọng	Nghĩa	Kế toán DN B K62	3,41	0,05	3,46	95	100.000	21510002209039	BIDV	
158	1724010885	Phạm Thị	Hương	Kế toán DN B K62	3,38		3,38	80	100.000	21510002331084	BIDV	
159	1724010473	Đinh Thị Lan	Hương	Kế toán DN B K62	3,31		3,31	80	100.000	21510002184145	BIDV	
160	1724010261	Đỗ Thị	Dung	Kế toán DN B K62	3,25		3,25	80	100.000	21510002184093	BIDV	
161	1724010193	Nguyễn Thanh	Huế	Kế toán DN C K62	3,5		3,50	81	100.000	21510002189876	BIDV	
162	1724010327	Tô Thị Thu	Hiền	Kế toán DN C K62	3,5		3,50	83	100.000	21510002179488	BIDV	
163	1724010349	Nguyễn Kiều	Anh	Kế toán DN C K62	3,31		3,31	81	100.000	21510002190045	BIDV	
164	1724010475	Hoàng Thị	Thu	Kế toán DN C K62	3,47		3,47	82	100.000	21510002181155	BIDV	
165	1724010283	Dương Thu	Phương	Kế toán DN C K62	3,54		3,54	85	100.000	21510002190753	BIDV	
166	1724010649	Đặng Hồng	Nhung	Kế toán DN C K62	3,33	0,05	3,38	82	100.000	21410001160516	BIDV	
167	1724010406	Vũ Thị	Thắm	Kế toán DN C K62	3,84		3,84	88	100.000	21510002179044	BIDV	
168	1724010541	Nguyễn Thị	Hoa	Kế toán DN C K62	3,47	0,05	3,52	90	100.000	21510002209589	BIDV	
169	1724010508	Trịnh Minh	Hoàng	Kế toán DN C K62	3,33	0,05	3,38	92	100.000	21510002209057	BIDV	
170	1724010669	Đặng Diệu	Linh	Kế toán DN C K62	3,64		3,64	86	100.000	21510002210226	BIDV	
171	1724010431	Mai Thị	Bích	Kế toán DN C K62	3,33		3,33	86	100.000	21510002180879	BIDV	
172	1724010372	Nguyễn Thị Thúy	Chiều	Kế toán DN C K62	3,22		3,22	80	100.000	21510002189645	BIDV	
173	1724010573	Dương Thị	Hương	Kế toán DN C K62	3,5		3,50	81	100.000	21510002210110	BIDV	
174	1724010533	Đào Thị	Ngọc	Kế toán DN C K62	3,2		3,20	80	100.000	21510002330966	BIDV	
175	1724010491	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Kế toán DN C K62	3,47		3,47	85	100.000	21510002330559	BIDV	
176	1724010117	Phí Thị	Hà	Kế toán DN D K62	3,44		3,44	81	100.000	21510002182167	BIDV	
177	1724010555	Nguyễn Thị Thu	Hường	Kế toán DN D K62	3,47		3,47	88	100.000	21510002209516	BIDV	

STT	MSSV	Họ và Tên		Lớp	Điểm học tập, Rèn Luyện				Số tiền (đồng)	Số tài khoản	Tên ngân hàng	Chi nhánh
					TBHT	Thưởng	TBMR	ĐRL				
178	1724010479	Bùi Bích	Phương	Kế toán DN D K62	3,47		3,47	84	100.000	21510002188651	BIDV	
179	1724010411	Lê Thị Thu	Hà	Kế toán DN D K62	3,72		3,72	90	100.000	21510002183647	BIDV	
180	1724010244	Vũ Thị Thu	Hoài	Kế toán DN D K62	3,78		3,78	88	100.000	21510002179035	BIDV	
181	1724010201	Nguyễn Thu	Trang	Kế toán DN D K62	3,34		3,34	81	100.000	21510002187694	BIDV	
182	1724010437	Lê Thị Khánh	Linh	Kế toán DN D K62	3,61		3,61	88	100.000	21510002196089	BIDV	
183	1724010222	Đinh Thị	Huyền	Kế toán DN D K62	3,43		3,43	81	100.000	21510002186831	BIDV	
184	1724010551	Hoàng Thị Diệu	Trinh	Kế toán DN D K62	3,47	0,10	3,57	91	100.000	21510002210059	BIDV	
185	1724010111	Thái Triệu	Anh	Kế toán DN E K62	3,50		3,50	83	100.000	21510002182130	BIDV	
186	1724010110	Phạm Phương	Anh	Kế toán DN E K62	3,63		3,63	83	100.000	21510002182352	BIDV	
187	1724010015	Lê Thị Minh	Huệ	Kế toán DN E K62	3,72		3,72	83	100.000	21510002183665	BIDV	
188	1724010002	Nguyễn Thùy	Dương	Kế toán DN E K62	3,38		3,38	80	100.000	21510002182811	BIDV	
189	1724010005	Nguyễn Thị Thu	Huyền	Kế toán DN E K62	3,75		3,75	80	100.000	21510002185467	BIDV	
190	1724010066	Phạm Minh	Đức	Kế toán DN E K62	3,46		3,46	80	100.000	21510002179743	BIDV	
191	1724010085	Lê Thanh	Sơn	Kế toán DN E K62	3,60		3,60	84	100.000	15110000718437	BIDV	
192	1724010161	Trần Thị	Hoa	Kế toán DN E K62	3,61		3,61	80	100.000	21510002196405	BIDV	
193	1724010019	Đặng Thu	Huyền	Kế toán DN E K62	3,58		3,58	80	100.000	21510002186910	BIDV	
194	1724010051	Bùi Thị Mỹ	Hạnh	Kế toán DN E K62	3,42		3,42	81	100.000	21510002191127	BIDV	
195	1724010025	Lê Thị Yến	Hoa	Kế toán DN E K62	3,62		3,62	80	100.000	21510002190434	BIDV	
196	1724010162	Đỗ Thị Riệu	Linh	Kế toán DN E K62	3,38		3,38	81	100.000	21510002181331	BIDV	
197	1724010207	Nguyễn Thị Thu	Trang	QTKD A K62	3,5		3,50	81	100.000	21510002189672	BIDV	
198	1724010348	Nguyễn Thị Phương	Hoa	QTKD B K62	3,41	0,1	3,51	88	100.000	21510002189724	BIDV	
199	1724010660	Nguyễn Thị Thu	Hoài	QTKD B K62	3,75		3,75	83	100.000	21510002196964	BIDV	
200	1724010448	Nguyễn Thùy	Linh	QTKD B K62	3,22		3,22	81	100.000	21510002182787	BIDV	
201	1724010321	Vũ Thị Khánh	Linh	QTKD B K62	3,71		3,71	85	100.000	21510002181766	BIDV	
202	1724010927	Nguyễn Thị	Quế	QTKD B K62	3,74	0,05	3,79	88	100.000	21510002330531	BIDV	
203	1724010416	Đặng Thị Thu	Trang	QTKD B K62	3,31		3,31	83	100.000	21510002184251	BIDV	
204	1824010851	Lê Thị	Huyền	Kế toán DN A K63	3,5		3,50	81	100.000	21510002464485	BIDV	
205	1824010477	Đinh Bình	Minh	Kế toán DN A K63	3,11	0,1	3,21	88	100.000	21510002465150	BIDV	
206	1824010945	Đặng Nguyệt	Ánh	Kế toán DN B K63	3,78	0,05	3,83	85	100.000	21510002472080	BIDV	

STT	MSSV	Họ và Tên		Lớp	Điểm học tập, Rèn Luyện				Số tiền (đồng)	Số tài khoản	Tên ngân hàng	Chi nhánh
					TBHT	Thưởng	TBMR	ĐRL				
207	1824010837	Nguyễn Thị Kim	Dung	Kế toán DN C K63	3,61		3,61	80	100.000	21510002463437	BIDV	
208	1824010363	Đỗ Nguyễn Mai	Trang	Kế toán DN C K63	3,22	0,1	3,32	83	100.000	21510002471892	BIDV	
209	1824010889	Đào Thị	Phượng	Kế toán DN D K63	3,67		3,67	80	100.000	21510002471999	BIDV	
210	1824010108	Vũ Duy	Hoàng	Kế toán DN D K63	3,46	0,05	3,51	83	100.000	21510002688319	BIDV	
211	1824010327	Trương Thị Thu	Dung	Kế toán DN D K63	3,31		3,31	83	100.000	21510002757389	BIDV	
212	1824011070	Trịnh Thị Vân	Anh	Kế toán DN E K63	3,77	0,05	3,82	86	100.000	21510002590715	BIDV	
213	1824011004	Trần Thu	Hà	Kế toán DN E K63	3,21		3,21	80	100.000	21510002590733	BIDV	
214	1824010724	Đào Hoàng	Quyên	Kế toán DN E K63	3,53		3,53	83	100.000	21510002472035	BIDV	
215	1824010204	Nguyễn Huyền	Trang	Kế toán DN E K63	3,45		3,45	89	100.000	21510002470710	BIDV	
216	1824010387	Vũ Thị Kiều	Trinh	Kế toán DN E K63	3,41		3,41	83	100.000	21510002468663	BIDV	
217	1824010925	Nguyễn Thị	Ánh	Kế toán DN G K63	3,50		3,50	84	100.000	21510002470385	BIDV	
218	1824010260	Phùng Thu	Hà	Kế toán DN G K63	3,31		3,31	84	100.000	21510002469259	BIDV	
219	1824010026	Công Thị Phương	Ly	Kế toán DN G K63	3,78		3,78	86	100.000	21510002472114	BIDV	
220	1824010943	Bùi Thị	Thúy	Kế toán DN G K63	3,43		3,43	87	100.000	21510002472169	BIDV	
221	1824010563	Nguyễn Thị Thu	Uyên	Kế toán DN G K63	3,24		3,24	81	100.000	46010003716442	BIDV	
222	1824011048	Nguyễn Thị	Yến	Kế toán DN G K63	3,25		3,25	84	100.000	42710000587752	BIDV	
223	1824011032	Nguyễn Thị Vân	Anh	QTKD A K63	3,55		3,55	81	100.000	21710000456897	BIDV	
224	1824010258	Nguyễn Thị Phương	Thảo	QTKD A K63	3,52		3,52	81	100.000	21510002463260	BIDV	
225	1824010264	Sái Thị	Lan	QTKD A K63	3,7		3,70	83	100.000	21510002477182	BIDV	
226	1824010949	Nguyễn Tiến	Đạt	QTKD B K63	3,34		3,34	84	100.000	21510002469842	BIDV	
227	1824010752	Hà Thị Huyền	Trang	QTKD B K63	3,72		3,72	80	100.000	21510002471652	BIDV	
228	1824011076	Nguyễn Ngọc	Huyền	QTKD B K63	3,60		3,60	91	100.000	21510002591268	BIDV	
229	1824010185	Lê Trung	Kiên	QTKD B K63	3,46	0,10	3,56	86	100.000	21510002464421	BIDV	
230	1824010378	Trần Thị	Thu	QTKD B K63	3,53	0,05	3,58	80	100.000	21510002476921	BIDV	
231	1824010273	Vũ Thị Thanh	Thủy	QTKD B K63	3,72		3,72	83	100.000	21510002476611	BIDV	
232	1824010830	Lê Thị Thùy	Dung	QTKD C K63	3,41		3,41	85	100.000	21510002471254	BIDV	
233	1824010961	Phạm Thị	Hiên	QTKD C K63	3,48		3,48	91	100.000	42710000682930	BIDV	
234	1824010829	Lê Thị	Anh	QTKD C K63	3,63		3,63	80	100.000	21510002471379	BIDV	
235	1824010731	Bùi Thị	Thương	QTKD C K63	3,60		3,60	80	100.000	21510002472178	BIDV	

STT	MSSV	Họ và Tên		Lớp	Điểm học tập, Rèn Luyện				Số tiền (đồng)	Số tài khoản	Tên ngân hàng	Chi nhánh
					TBHT	Thưởng	TBMR	ĐRL				
236	1824010033	Nguyễn Duy	Anh	QTKD C K63	3,20		3,20	82	100.000	21510000393185	BIDV	Chủ TK Nguyễn Thị Thu Dung
237	1824010699	Đặng Tất	Công	QTKD D K63	3,64	0,1	3,74	90	100.000	21510002478264	BIDV	
238	1824011014	Đỗ Kiều	Chinh	QTKD D K63	3,70	0,05	3,75	88	100.000	21510002591587	BIDV	
239	1824010395	Nguyễn Thị Hồng	Giang	QTKD D K63	3,57		3,57	84	100.000	21510002463543	BIDV	
240	1924011228	Trương Thị Ngọc	Tuyết	Kế toán A K64	3,61		3,61	80	100.000	21510002947056	BIDV	
241	1924010745	Hoàng Thị Diệu	Linh	Kế toán A K64	3,36		3,36	80	100.000	21510002935194	BIDV	
242	1924011323	Trần Thị Linh	Chi	**QTKD A K64**	3,35		3,35	83	100.000	21510002942370	BIDV	
243	1924010530	Trần Thu	Hà	QTKD A K64	3,40		3,40	81	100.000	21510002938218	BIDV	
244	1924010768	Phạm Thùy	Linh	QTKD B K64	4,00		4,00	80	100.000	21510002939707	BIDV	
Cộng tiền thưởng cho sinh viên đạt danh hiệu sinh viên giỏi:									**24.400.000**			

Tổng cộng: A+B = 3.400.000 + 24.400.000 = 27.800.000 đồng

Số tiền (bằng chữ): Hai mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng chẵn./.

Duyệt của BGH	Phòng Kế hoạch tài chính	Phòng CTCT - SV	BCN Khoa	Người lập danh sách
HIỆU TRƯỞNG	P.T.P. Chi	Lê Xuân Thanh	TS. Đào Anh Tuấn	Nguyễn Thị Thu Dung
GS.TS Trần Thanh Hải				

STT	Mã số SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Điểm HT	Điểm thưởng	TBCM R	Điểm RL	Tiền thưởng (đồng)	Số tài khoản	Tên ngân hàng	Chi nhánh
23	1721010101	Nguyễn Thị	Thảo	DCDKTB62	16	3.78		3.78	85	100.000	21510002196469	BIDV	
24	1721010054	Nguyễn Thị	Thu	DCDKTB62	16	3.75		3.75	85	100.000	21510002180170	BIDV	
25	1721010005	Đoàn Phương	Anh	DCDKTB62	18	3.61	0.05	3.66	85	100.000	21510002188411	BIDV	
26	1721010038	Trịnh Thị	Thanh	DCDKTB62	14	3.57		3.57	73	100.000	21510002330221	BIDV	
27	1721010141	Nguyễn Thị Hà	Trang	DCDKTB62	20	3.48		3.48	78	100.000	21510002187782	BIDV	
28	1721010080	Nguyễn Cảnh	Thịnh	DCDKTB62	18	3.11	0.1	3.21	84	100.000	21510002186053	BIDV	
29	1821010170	Phạm Tiến	Lộc	DCDKDC63	20	3.25		3.25	83	100.000	47110001218030	BIDV	
30	1821010153	Vũ Đình	Khiêm	DCDKLD63	19	3.64		3.64	83	100.000	21510002462896	BIDV	
31	1921010065	Võ Hoàng Thúy	Vy	DCDKDV64	14	3.43		3.43	83	100000	050110252452	Sacombank	CN Hai Bà Trưng, Đà Lạt
32	1921010059	Lâm Đỗ	Hùng	DCDKDK64	19	3.31		3.31	83	100.000	21510002152647	BIDV	
33	1921010123	Phạm Thị	Thanh	DCDKLD64	17	3.31	0.1	3.41	87	100.000	21510002939813	BIDV	
Cộng										**3.300.000**			

Tổng cộng tiền thưởng: 600.000 + 3.300.000 = 3.900.000đ

(Số tiền viết bằng chữ: Ba triệu chín trăm nghìn đồng chẵn)

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

Ban Giám hiệu	Phòng Kế hoạch Tài chính	Phòng Công tác CT - SV	Khoa Dầu khí	Người lập biểu
HIỆU TRƯỞNG	Phạm. T. P. Chi	Lê Xuân Thành	PGS.TS Tống Thị Thanh Hường	Ng. T. Thuý
GS.TS Trần Thanh Hải				